

**DANH MỤC NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU KHÔNG YÊU CẦU GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
THUỐC TRONG NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ trước 01/07/2014**

(Đính kèm công văn số 5201 /QLD-ĐK ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Cục Quản lý Dược)

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
NƯỚC OXY GIÀ 3 %	VS-4788-11	27/07/2017	Chi nhánh Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	Hydrogen peroxid	ĐDVN IV	Solvay Peroxythai Limited	16th Floor Wave Place55 Wireless Road Lumpini, Pathumwan Bangkok 10330	Thailand
Bicapain 15	VD-13703-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Meloxicam	BP 2014	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	Dazha Rd, Huangyan, Taizhou, Zhejiang,	China
Biviflu	VD-13704-11	6/22/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical CO., Ltd	No.368 Jianshe street, hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.	China
Biviflu	VD-13704-11	6/22/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Loratadine	USP 39	Vasudha Pharma Chemical Ltd.	78/A, Vengalrao Nagar, Hyderabad - 500 038. Andhra Pradesh	India
Biviflu	VD-13704-11	6/22/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Dextromethorphan hydrobromide monohydrate	USP 39	Wockhardt Limited	Wockhardt Towers C- 3, G Block, Bandra - Kurla Complex Bandra (E) Mumbai, Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bivinadol Extra	VD-13705-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical CO., Ltd	No.368 Jianshe street, hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.	China
Bivinadol Extra	VD-13705-11	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Caffeine anhydrous	BP 2014	Shandong Xinhua Pharmaceutical	1 lutai road,zhangdian dis,Zibo City, Shandong, 255086,	China
Eulosig	VD-13706-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Rabeprazole sodium EC pellets	NSX	Spansules Formulations	Plot No: 154/A 4 I.D.A Bolilaram, Hyderabad - 502 325	India
Itrex	VD-13707-11	06/10/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Itraconazole	NSX	Titan Labora tories Pvt Ltd	102, Titan House, 60 Feet Road, Opp. Bank of Maharashtra, Ghatkopar (E) Mumbai Maharashtra	India
Magne B6 -BVP	VD-13708-11	17/8/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pyridoxine hydrochloride	BP 2009	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Mustret 500	VD-13710-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Mephenesin	NSX	Samanta Organics Pvt, Ltd	T-119, M.I.D.C., Tarapur, Boisar, Dist Thane-401 506	India
Prasogem 40	VD-13712-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Esomeprazole enteric coated pellets	NSX	Spansules Formulations	Plot No: 154/A 4 I.D.A Bolilaram, Hyderabad - 502 325	India
Vimethy	VD-13713-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Methylprednisolon	USP 36	Tianjin Tiangao Pharmaceutials Co., Ltd	No. 221 huanghai Road, Tianin Economic & technological Area	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gastropin	VD-13725-11	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Dried aluminium hydroxide gel	EP(7 đến 8.5) USP(34 đến 39)	Spi Pharma	40 Cape Henlopen Drive Lewes, DE 19958, USA	USA
Gastropin	VD-13725-11	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Magnesium hydroxide	EP(7 đến 8.5) USP(34 đến 39)	Spi Pharma	40 Cape Henlopen Drive Lewes, DE 19958, USA	USA
Gastropin	VD-13725-11	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Atropine sulfate	CP2010	Henan Lingxian Scientific And Technical Pharmaceutical Co.Ltd	Lingxian Technical Zone, South Wenfeng Road, Xuchang City, Henan Province, China	China
Hatiseptol	VD-13728-11	21/06/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Sulfamethoxazole	BP2012, BP2013, BP2014 , BP2015	Virchow laboratories Limited	Plot No.4 to 10, S.V Coop, Industrial, Estate, IDA, Jeedimetla, hyderabad-500055	India
Hatiseptol	VD-13728-11	21/06/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Trimethoprim	BP2015	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd.	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province	China
Acetab 325	VD-13744-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Acetab 325	VD-13744-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province	China
Agihistine 16	VD-13745-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Betahistine dihydrochloride	BP 2014	Ami Lifesciences Pvt.Ltd	Văn phòng: 2nd Floor, Prestige Plaza, 40, Urmi Society, Nr. Urmi Cross Road, BPC Road, Akota, Bagoda 390020, Gujarat, India Nhà máy: Block No.82/B, ECP Road, At & PO: Karakhadi - 391 450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat, India	India
Agihistine 16	VD-13745-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Betahistine dihydrochloride	EP 7.0	Grunenthal GmbH	Zieglerstrasse 6 Aachen, 52078 Germany	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agihistine 8	VD-13746-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Betahistine dihydrochloride	BP 2014	Ami Lifesciences Pvt., Ltd.	Văn phòng: 2nd Floor, Prestige Plaza, 40, Urmi Society, Nr. Urmi Cross Road, BPC Road, Akota, Bagoda 390020, Gujarat, India Nhà máy: Block No.82/B, ECP Road, At & PO: Karakhadi - 391 450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat, India	India
Agihistine 8	VD-13746-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Betahistine dihydrochloride	EP 7.0	Grunenthal GmbH	Zieglerstrasse 6 Aachen, 52078 Germany	Germany
AgimSamin F	VD-13748-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Glucosamine	USP 36	Yangzhou Rixing Bio-Tech Co., Ltd.	No.2 Tong Xin Road GaoYou City Jiangsu China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgimSamin F	VD-13748-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Sodium chondroitin sulfate	USP 34	Hangzhou Viwa Co., Ltd.	4th Floor, Building5. No.600 on 21st Avenue, Xiasha Economic and Technological Development Zone, Hangzhou 310018, Zhejiang, China	China
Agimycob	VD-13749-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Nystatin	USP 35	Antibotice	1, Valea Lupului Street Iasi 707410, Romania	Romania
Agimycob	VD-13749-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Neomycine sulfate	USP 35	Pharmacia & Upjohn Company	7000 Portage Road, Kalamazoo, MI 49001- 0199 USA	USA
Agimycob	VD-13749-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Neomycine sulfate	USP 35	Yichang Sanxia Pharmaceutical Co., Ltd.	No.8, Ziyang Road, Dianjun District, Yichang City, Hubei Province P.R. China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agimycob	VD-13749-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Neomycine sulfate	EP 8.0	Sichuan Longmarch Pharma	448 Changqing Road, Leshan, Sichuan 614000, P.R. China	China
AgiNaril	VD-13750-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Enalapril maleate	USP 35	Ultratech India Limited	113. J.K Chambers, Sector-17, Vashi, New Mumbai - 400 705	India
Agiosmin	VD-13751-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Diosmine	EP 8.0	Jianshi Yuantong Bioengineering Co., Ltd.	Zhanchang Village, Guandian Town, Jianshi County Enshi, Hubei, P.R.China 445311	China
Agiosmin	VD-13751-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Hesperidin	NSX	Jianshi Yuantong Bioengineering Co., Ltd.	Zhanchang Village, Guandian Town, Jianshi County Enshi, Hubei, P.R.China 445311	China
AgiTritine 100	VD-13752-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Trimebutine maleate	USP 36	Zhejiang East- Asia Pharmaceutical	Economic Development Zone of Sanmen Country, Zhejiang, China 317100	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiTritine 200	VD-13753-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Trimebutine maleate	USP 32	Zhejiang East- Asia Pharmaceutical Co., Ltd.	Economic Development Zone or Sanmen County, Zhejiang, China	China
Aspirin 500	VD-13754-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Acid acetyl salicylic	USP 35	Novacyl	1. Trụ sở: 29 Avenue Joannès Masset, Le Carré Joannes - CS 10619 69009 - Lyon, France 2. CN: 321 Bangpoo Industrial Estate Praeska, Muang Sanutprakam, 10280. Thailand	1. France 2. Thailand
Aspirin 81	VD-13755-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Acid acetyl salicylic	USP 35	Novacyl	1. Trụ sở: 29 Avenue Joannès Masset, Le Carré Joannes - CS 10619 69009 - Lyon, France 2. CN: 321 Bangpoo Industrial Estate Praeska, Muang Sanutprakam, 10280. Thailand	1. France 2. Thailand

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rabepagi	VD-13756-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Rabeprazole sodium	NSX	Metrochem API Private Limited	No.213, 214 & 255, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Andhra Pradesh	India
Amtim □	VD-13757-11	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Amlodipine besylate	BP2012/ EP7.0	Cadila Pharmaceutical Limited	294, G.I.D.C., Estate, Ankleshwar-393 002, Gujarat, India	India
Imezidim 1g	VD-13827-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ceftazidime / sodium carbonate	USP 39	Sandoz GmbH- Austria	Biochemiistrasse 10 6250 Kundl	Australia
Imezidim 1g	VD-13827-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ceftazidime pentahydrate Buffered	USP 39	Fresenius Kabi Anti –Infectives S.R.L	Via San Leonardo 23- 45010 Villadose (RO)	Italy
Imezidim 1g	VD-13827-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ceftazidime pentahydrate Buffered	USP 39	Fresenius Kabi Anti –Infectives S.R.L	Piazza Maestri del Lavoro, 7 - 20063 Cernusco S.N. - Milano	Italy
Imezidim 1g	VD-13827-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ceftazidime (buffered with sodium carbonate)	USP 39	Orchid Pharma Limited (tên cũ Orchid chemicals & Pharmaceuticals Limited India)	Plot Nos 121-128, 128A-133, 138-151, 159-164, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District - 603 110, Tamilnadu.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Imezidim 1g	VD-13827-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ceftazidime (Sterile mixture of sterile Ceftazidime and sodium carbonate)	USP 39	Nectar Lifesciences Ltd	Vill. Saidpura. Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)	India
Imezidim 1g	VD-13827-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ceftazidime with sodium carbonate	USP 39	Qilu Antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd	No. 849 Dongjia Town, Licheng District, Jinan	China
Denstra	VD-13852-11	06/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Calcium carbonate	USP 30	Ningbo Honor Chemtech Co., Ltd	Room1011, Lot 1, New World Business B/D, Jiangdong District, Ningbo 315040, Zhejiang Province	China
Denstra	VD-13852-11	06/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Vitamin D3 (Cholecalciferon)	BP 2005	Basf - The Chemical Company	Carl-Bosch-Str. 38 Ludwigshafen, 67056	Germany
Calci D518	VD-13853-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Calcium carbonate	USP 30	Ningbo Honor Chemtech Co., Ltd	Room1011, Lot 1, New World Business B/D, Jiangdong District, Ningbo 315040, Zhejiang Province	China
Calci D518	VD-13853-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Vitamin D3 (Cholecalciferon)	BP 2005	Basf - The Chemical Company	Carl-Bosch-Str. 38 Ludwigshafen, 67056	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Laborat 2Mg	VD-13855-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Risperidone	BP 2007	Jpn Pharma Pvt. Ltd.	Dist.Palghar - 401506, Maharashtra, India	India
Nelidevi 16Mg	VD-13857-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Methylprednisolon	BP 2003	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co.,Ltd.	No,1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Oreter 50 Mg	VD-13858-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Losartan potassium	USP 30	Vasudha Pharma Chem Limited	Plot No. 39 A & B, Phase I, I.D.A, Jeedimetla , Hyderabad - 500055 Telangana State	India
Ormagat 1000Mg	VD-13860-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Glucosamine sulfate sodium chloride	USP 30	Jiangsu Rixin Enterprise Group Co., Ltd	58 wu an road, gaoyou, jiangsu, China	China
Ormycol20Mg	VD-13861-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Fexofenadine hydrochloride	USP 32	Virupaksha Organics Limited	No.10, Gaddapotharam Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist - 502315, Telangana, India	India
SaVi Montelukast 5	VD-13872-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Montelukast sodium	NSX	MOREPEN LABORATORIE S LIMITED	Morepen Village, Nalagarh Road, Near Baddi, Dist. Salan, (H.P) 173 205, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rotundin Tw3 30mg	VD-13893-11	28/6/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Rotundin	CP 2010	Sichuan Province Yuxin Pharmaceutical Co.,Ltd	No.51, West section of Changjian Road, Economic development district (south district), Shifang city, Sichuan Province	China
Rotundin Tw3 30mg	VD-13893-11	28/6/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Rotundin	CP 2010	Sichuan Xieli Pharmaceutical Co.,Ltd	No.860 of Chaoyang South Road, Pengzhou, Sichuan 611930	China
Cinnarizin	VD-13959-11	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cinnarizin	BP2015	Ray chemicals pvt ltd	No 41 KHB Industrial Area, Yelahanka, Bangalore - 560 106	India
Cinnarizin	VD-13959-11	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cinnarizin	BP2015	Virupaksha organics pvt.ltd	No 10, Gaddapotharam Village, Jinnnarammandal Medak Dist - 502 319, Andhra Pradesh, India	India
Lincomycin- 500mg	VD-13960-11	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Lincomycin hydroclorid	EP 8.0	Nanyang Pukang Pharmaceutical Co., Ltd	No. 143 Gongye Road, Nanyang, China.	China
Lincomycin- 500mg	VD-13960-11	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Lincomycin hydroclorid	EP 8.0	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.1199.Jiaotong Road, Yicheng District, Zhumadian, Henan Province, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Alenbone Plus	VD-13970-11	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	sodium alendronate trihydrate	EP 7.0→9.0	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Pelplinska 19, 83 200 Starogard, Gdanski	Poland
Alenbone Plus	VD-13970-11	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Dry vitamin D3 100 CWS	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Atheren	VD-13972-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Alimemazin tartrate	BP 2012-2015	Sanofi Chimie	45 Chemin De Meteline BPIS, 04201 Sisteron Cedex	France
Cuine Plus	VD-13977-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	glucosamin sulfat sodium chloride	EP 7.0→9.0	Andhra Medi Pharma India Pvt., Ltd.	* D. No. 40-25-35/1, Opp Kesava Towers, Asramam Street, Patamatalanka, Vijayawada-520016 * Sy.No.263, Veeravalli Village, Bapulapadu mandal, krishna Dist., Andhra Pradesh-521 110	India
Cuine Plus	VD-13977-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Chondroitin sulfate sodium (Shark origin)	EP 7.0→9.0	Yantai Dongcheng Biochemicals Co., Ltd.	No.7, Changbaishan Road Yantai DEV. Zone Shangdong	China
Derispan	VD-13978-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Trimebutin maleate	NSX	Moehs Catalana S.L.	C/ Cesar Martinlli beunet, 12A08191, RUBI (Barcelona)	Spain

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Faditac	VD-13980-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Famotidin	BP 2012-2015	SMS Pharmaceuticals Ltd.	Sy. No. 180/2, Kazipalli Village, Jinnaram (M), Medak District-502 319. A.P.	India
Finabrat 100	VD-13981-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Fenofibrat	USP 35→39	Derivados Quimacos Fine Chemicals	Camino Viejo de Pliego, s/n Apartado 182 30820 Alcantarilla, Murcia	Spain
Menison Inj.	VD-13983-11	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Methylprednisolone Sodium Succinate Sterile	USP 35→39	Crystal Pharma.	Parque Tecnologico de Bocillo, Parcela 105 47151 Bocillo, Valladolid	Spain
Neu-Stam	VD-13984-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Piracetam	EP 7.0→9.0	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 58, Changxi Road, Jingdezhan City, Jiangxi Province	China
Pyme OM40	VD-13986-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Omeprazol pellets	NSX	Lee Pharma Limited	Plot No. V, Phase - II, VSEZ , Duvvada Sabbavaram Mandal Visakhapatnam District Andhra Pradesh	India
Mediprist	VD-14010-11	20/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA- VIỆT NAM	Mifepristone	NSX	Zhejiang Xianju Junye Pharmaceutical Co., Ltd.	Hebu Bridge, Xianju, Zhejiang Province.	China
Spas-Meyer	VD-14012-11	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Alverine citrate	EP 7	Yancheng Medical Chemical Factory	NO. 33 Haichun West Road, Yancheng, Jiangsu,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CEFACLOR 375	VD-14047-11	02/06/2017	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Cefaclor monohydrat	BP 2005	LUPIN LIMITED - INDIA	198-202, New Industrial Area No. 2, Mandideep-462 046 District Raisen (M.P.), India	India
TIDACOTRIM	VD-14096-11	02/06/2017	CTY TNHH SX-TM DP Thành Nam	Trimethoprim	BP2013	SHOUGUANG FUKANG	North-East of Dong Waihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province, P.R.of China	China
TIDACOTRIM	VD-14096-11	02/06/2017	CTY TNHH SX-TM DP Thành Nam	Sulfamethoxazol	BP2013	Virchow Laboratories Limited	Plot No, 4 to 10, S.V. Co-op Industrial Estate, IDA, Jeedimetla, Hyderabad-500 055, India	India
TIDACOTRIM	VD-14097-11	02/06/2017	CTY TNHH SX-TM DP Thành Nam	Sulfamethoxazol	BP2013	Virchow Laboratories Limited	Plot No, 4 to 10, S.V. Co-op Industrial Estate, IDA, Jeedimetla, Hyderabad-500 055, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TIDACOTRIM	VD-14097-11	02/06/2017	CTY TNHH SX-TM DP Thành Nam	Trimethoprim	BP2013	SHOUGUANG FUKANG	North-East of Dong Waihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province, P.R.of China	China
Apha-bevagyl	VD-14102-11	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	acetylspiramycin	BP 2016	Topfond pharmaceutical Co., ltd	No. 1199 Jiaotong Road(West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province China	China
Berberin	VD-14104-11	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	berberin hydrochlorid	JP 16	Northeast pharmaceutical group co., ltd	No. 37, Zhonggong Bei Street, Tiexi District, Shenyang, China.	China
Metyldron	VD-14106-11	25/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	methylprednisolone	USP 38	Zhjiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, china.	China
Unirogyl	VD-14107-11	17/11/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	acetylspiramycin	CP 2016/ BP 2016	Topfond pharmaceutical Co., ltd	No. 1199 Jiaotong Road(West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province China	China
Clorpheniramin 4Mg	VD-14117-11	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Clorpheniramin maleat	ĐĐVN IV	Euroasia Trans Continental, India	07, Parvati premises, New Sun Mill's compound, Lower Parel (west), Mumbai- 400013, Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Doxycyclin-100Mg	VD-14122-11	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Doxycyclin	ĐĐVN IV	Kunshan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd, China.	Kunshan, Jiangsu ,China	China
Ahevip □	VD-14139-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Etoricoxib	NSX	Virdev Intermediates Pvt. Ltd	Block No. 46-47, Plot No. 2, Moje Palsana, tal. Palsana, Dist. SURAT-394 315	India
Ausvair 150	VD-14140-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pregabalin	NSX	Optimus Drugs (P) Limited	3 rd Floor, narmada Arcade, Above HDFC Bank, Snehapuri Colony Nacharam, hyderabad -5000 076	India
Ausvair 75	VD-14141-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pregabalin	NSX	Optimus Drugs (P) Limited	3 rd Floor, narmada Arcade, Above HDFC Bank, Snehapuri Colony Nacharam, hyderabad -5000 076,	India
Bypalin	VD-14142-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Desloratadine	NSX	Morepen Laboratories Limited	Morepen Village,, Nalagarh Road, Near Baddi Solan; Himachal Pradesh; Map 173 025	India
Carhurol 10	VD-14143-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Rosuvastatin calcium	NSX	Morepen Laboratories Limited	Morepen Village,, Nalagarh Road, Near Baddi Solan; Himachal Pradesh; Map 173 025	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Carhurol 20	VD-14144-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Rosuvastatin calcium	NSX	Morepen Laboratories Limited □	Morepen Village,, Nalagarh Road, Near Baddi Solan; Himachal Pradesh; Map 173 025	India
Clobap	VD-14146-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Clobetasol propionat	USP 36	Farmabios - Italia	Via Pavia, 1, 27027 Gropello Cairoli PV	Italy
Drolenic 70	VD-14148-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Acid alendronic	USP 36	Cadila Pharmaceutical	291, G.I.D.C Estate, city Anklashwar - 393002, Dist: Bharach,	India
Nuradre 300	VD-14149-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Gabapentin	USP 38	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., Ltd	19/C, Tianyuan Building, No.508 Wensan Road, Hangzhou, China.,310006	China
Nuradre 400	VD-14150-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Gabapentin	USP 38	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., Ltd	19/C, Tianyuan Building, No.508 Wensan Road, Hangzhou, China.,310006	China
Urselon	VD-14152-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Methylprednisolon	USP 36	Tianjin Tiangao Pharmaceutials Co., Ltd	No. 221 huanghai Road, Tianin Economic & technological Area,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vixcar	VD-14153-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Clopidogrel bisulfate	USP 36	Aarti Drugs Limited	Plot No. W-60 (B), 62 (B), 71 (B), 72 (B), 73 (B), M.I.D.C., Tarapur, Tal. -Palghar, Dist. Thane -401 506. (MH)	India
Biotin	VD-14157-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	D-Biotin	USP 34/EP7	Zhejiang NHU Company Ltd	No, 4 Jiangbei Road, Yulin Street Xinchang County, ZheJiang, China	China
Danapha-Trihex 2	VD-14177-11	12/12/2017	CTCP Dược Danapha	Trihexyphenidyl Hydrochloride	BP(2012 đến 2016)	Suzhou Yuanfang Chemical Co., Ltd	SuzhouFuHao Developing zone, TaiCang City, JiangSu, China	China
Stoccel P	VD-14196-11	09/11/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Aluminium phosphat gel	EP 8	Alupharm	8 Rue Jacques de Vaucanson, ZAC de Mercières, 60471 Compiègne Cedex, France.	France
Stoccel P	VD-14196-11	09/11/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Aluminium phosphat gel	EP 8	SPI Pharma	Chemin du Vallon du Maire, 13240 Septèmes Les Vallong, France	France

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agi-Bromhexine (VNE)	VD-14216-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Bromhexine hydrochloride	BP 2014	Orex Pharma Pvt., Ltd.	Văn phòng: Pisal hse, Nakhwa Compound, Stadium Road, Nr.CIDCO Bus Std, Thane (W)-400 601 Nhà máy: B-5, Phase-1, MIDC, Dombivli (E)- 421203	India
AgiCedol	VD-14217-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
AgiCedol	VD-14217-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co. Ltd	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province, 053800 China	China
AgiDopa	VD-14220-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Methyldopa	EP 7.0	Zhejiang Chiral Medicine Chemicals Co., Ltd.	Nanyang Economy Development Zone , Xiaoshan, Hangzhou, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiDorin	VD-14221-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
AgiDorin	VD-14221-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province, 053800 China	China
AgiDorin	VD-14221-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Phenylephrin hydrochloride	USP 34	Unichem Laboratories Ltd.	Plot No. 197, Sector - 1, Pithampur 454 775, Dist. Dhar (M.P.) India	India
AgiDorin	VD-14221-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Phenylephrin hydrochloride	EP 8.0	Basf Pharma Chemikalien GmbH & Co. KG	Karlstraße 15-39, 42-44 32423 Minden	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiDorin	VD-14221-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Chlorpheniramine maleate	BP 2015	Supriya Lifescience Ltd.	Văn phòng: 207/208. Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai - 400 063, Maharashtra, India Nhà máy: A 5/2, Lote Parshuram Industrial Are, M.I.D.C., Tal.- Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India	India
AgiDoxin	VD-14222-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Pyridoxine hydrochloride	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Gongye 6th Rd, Leping, Jingdezhen, Jiangxi	China
AgiDoxin	VD-14222-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Pyridoxine hydrochloride	EP 7.0	DSM	1. Trụ sở: Het Overloon 1, 6411 TE Heerlen, the Netherlands 2. CN: Postfach 1145. D-79 629 Grenzach- Wyhlen	1. Netherlands 2. Germany
Agifamcin 300	VD-14223-11	25/10/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Rifampicin	BP 2015	Shenyang Antibiotic Manufacturer	No.18, Yucai Lane, Dongshuncheng St., Dadong Dist., China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agifuros	VD-14224-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Furosemide	USP 38	Hem Deep Organics Pvt., Ltd	Plot No.-3801/2, GIDC - Estate - Ankleshwar - 393002 - Gujarat-India	India
Agi-linco	VD-14225-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Lincomycin hydrochloride	EP 8.0	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	Shili Building No.84 Hongzhuan Road Zhengzhou, Henan	China
AgiPiro	VD-14226-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Piroxicam b- cyclodextrin	NSX	Zhongbao Chemicals Co., Ltd	F13/8E Building, Westport New Territories, No.206 Zhenhua Road, Hangzhou, Zhejiang, 310030 China	China
Agi-Tyfedol 325	VD-14228-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., LTD	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agi-Tyfedol 325	VD-14228-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co. Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province, 053800 China	China
Agi-Tyfedol 500	VD-14229-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Agi-Tyfedol 500	VD-14229-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province	China
Ampha 3B	VD-14231-11	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Thiamine Mononitrate	BP2013 & USP36	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Ampha 3B	VD-14231-11	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Pyridoxine Hydrochloride	BP2015 & USP38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ampha 3B	VD-14231-11	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Cyanocobalamin	USP36 & EP8.0	North China Pharmaceutical Vitor Co., Ltd	No. 9 Zhaiying North Street Shijiazhuang, China	China
Becofort	VD-14235-11	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Thiamine Mononitrate	BP2013 & USP36	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Becofort	VD-14235-11	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Pyridoxine Hydrochloride	BP2015 & USP38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Becofort	VD-14235-11	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Methylcobalamin	JP16	North China Pharmaceutical Vitor Co., Ltd	No. 9 Zhaiying North Street Shijiazhuang, China	China
Becofort	VD-14236-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Thiamine Mononitrate	BP2013 & USP36	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Becofort	VD-14236-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Pyridoxine Hydrochloride	BP2015 & USP38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Becofort	VD-14236-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Cyanocobalamin	USP36 & EP8.0	North China Pharmaceutical Vitor Co., Ltd	No. 9 Zhaiying North Street Shijiazhuang, China	China
Sos Mectin-3	VD-14240-11	12/12/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Ivermectin	EP 8.0	Zhejiang Hisun Pharmaceutical Co., Ltd.	56 Binhai Road, Jiaojiang District, Taizhou city, Zhejiang Province, People's Republic of China	China
Cimetidin 200Mg	VD-14292-11	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cimetidin	BP 2015	Shijiazhuang Polee Pharmaceutical Co., Ltd, China.	Industry Zone of Xinzhaidian Town , Zhao County, Shijiazhuang City, Hebei Province	China
Cymodo	VD-14294-11	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefpodoxim proxetil	USP 37	Covalent Laboratories Private Limited, India.	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist- 502 296, Andhra Pradesh	India
Loperamide 2Mg	VD-14295-11	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Loperamid hydroclorid	USP 37	Lanz Labs Pvt Ltd., India	4, Vivekanand Villa, 139, SV Road, Andheri (W), Mumbai - 58 India	India
Rotundin 30 Mg	VD-14297-11	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Rotundin	CP 2005	Sichuan Province Yuxin Pharmaceutical Co., Ltd, China.	Weicheng Jinhedong Road, Shifang, 61840, Sichuan	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Sulfaguanidin 500Mg	VD-14298-11	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Sulfaguanidin	NSX	Suzhou Wugan Pharmaceutical Co., Ltd, China.	Tuncun, Tongli Town, Wujiang District, Suzhou City, Jiangsu Province, China	China
Albenca 400	VD-14301-11	19/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Albendazole	USP 37	Uquiifa Mexico, S.A de C.V	Calle 37 Este 126, C.P. 62578 Civac, Jiutepec, Mor., Mexico	Mexico
Imexofen	VD-14307-11	13/09/2017	CTCPDP Imexpharm	Fexofenadine hydrochloride	USP 38	Alekhyia Drugs Pvt. Ltd.	Plot No.: 145-150, 153 & 154A, IDA Kondapally, Ibrahimpatnam (M), Krishna District-521 228, Andhra Pradesh, .	India
Imexofen	VD-14307-11	13/09/2017	CTCPDP Imexpharm	Fexofenadine hydrochloride	USP 38	Alekhyia Drugs Pvt. Ltd.	No 21, Bhanu Enclave, ESI, Sunder Nagar, Hyderabad - 38 AO, .	India
Imexofen	VD-14307-11	13/09/2017	CTCPDP Imexpharm	Fexofenadine hydrochloride	USP 35	Ra ChemPharma Ltd.	R.S. No. 50/1, Mukteswarapuram, JaggaiahpetMandal, Krishna District, Andhra Pradesh, .	India.
Imexofen	VD-14307-11	13/09/2017	CTCPDP Imexpharm	Fexofenadine hydrochloride	USP 35	Virupaksha Organics Limited	Survey No. 10, Gaddapotharam Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist.- 502 319, Andhra Pradesh, .	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Mexcold 150	VD-14309-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP8	Novacyl (wuxi) Pharmaceutical Co., Ltd.	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu,	China
Mexcold 150	VD-14309-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China
Paracetamol 500 mg	VD-14312-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province,	China
Paracetamol 500 mg	VD-14312-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China
Paracetamol 500 mg	VD-14313-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province,	China
Paracetamol 500 mg	VD-14313-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China
Trimetazidin Hydrochlorid 20mg	VD-14316-11	17/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Trimetazidine dihydrochloride	EP 7	Inogent Laboratories Pvt. Ltd.	Plot 28A, IDA Nacharam, Hyderabad 500 076,	India
Trimetazidin Hydrochlorid 20mg	VD-14316-11	17/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Trimetazidine dihydrochloride	EP 7	Sharon Bio- Medicine Ltd.	W-34 & 34/1, MIDC, Taloja, Dist-Raigad, Maharastra, .	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trimetazidin Hydrochlorid 20mg	VD-14316-11	17/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Trimetazidine dihydrochloride	EP 7	Sharon Bio- Medicine Ltd.	Lot No. L-6, MIDC, Taloja, Dist-Raigad, Maharastra,	India
Imedoxim 200	VD-14320-11	19/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime Proxetil)	USP36	Nectar Lifesciences Ltd	Vill. Saidpura. Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)	Italy
Imedoxim 200	VD-14320-11	19/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime Proxetil)	USP36	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist.	India
Imedoxim 200	VD-14320-11	19/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime Proxetil)	USP36	Aurobindo Pharma Ltd	Unit-XI, Survey No. 1/22, 2/1 to 5, 6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram - 532 409, Ranasthalam, Srikakulam Dist, A.P	India
Imedoxim 200	VD-14320-11	19/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime Proxetil)	USP36	Aurobindo Pharma Ltd	The Water Mark Building Plot No 11, Sy. No.09, Kondapur, Hi Tech City, Hyderabad 500084	India
Imedoxim 200	VD-14320-11	19/10/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefpodoxime Proxetil	USP36	Sandoz GmbH- Austria	Biochemiestrasse 10 6250 Kundl	Australia
Imenir 125 mg	VD-14325-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefdinir	USP 35	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Imenir 125 mg	VD-14325-11	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefdinir	USP 35	Nectar Lifesciences Ltd	Vill. Saidpura. Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)	India
Imenir 300 mg	VD-14326-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefdinir	USP 35	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist	India
Imenir 300 mg	VD-14326-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefdinir	USP 35	Covalent Laboratories Private Ltd.	Sy.No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana State.	India
Imenir 300 mg	VD-14326-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefdinir	USP 35	Nectar Lifesciences Ltd	Vill. Saidpura. Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)	India
Imenir 300 mg	VD-14326-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefdinir	USP 35	Dhanuka Laboratories Limited	7 K.M, Old Manesar Road, Village Mohammedpur, Gurgaon, Haryana	India
Cefalemid 1g	VD-14333-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefamandol nafate	NSX	Farmanios S.p.a Active pharmaceutical ingredient	Via Pavia, 1 - 27027 Gropello Cairolo	Italy
Cefalemid 1g	VD-14333-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefamandol nafate	USP 36	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic&Techonological Development Zone, Hebei	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefoperazone 1g	VD-14334-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefoperazone sodium	EP 7.0	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 98, Hainan Road, Shijiazhuang Economic&Techonologi cal Development Zone, Hebei	China
Cefoperazone 1g	VD-14334-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefoperazone sodium	USP 36	Shandong Luoxin Pharmaceutical Group Hengxin Pharmaceutical Co., Ltd	West side of Yanbin Road, Economic Development Zone, Feixian, Linyi, Shandong	China
Cephalexin 750mg	VD-14337-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cephalexin monohydrate	BP 2012	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic&Techonologi cal Development Zone, Hebei	China
Cephalexin 750mg	VD-14337-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cephalexin monohydrate	USP 34	Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang	China
Cloxacilin 0,5g	VD-14338-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cloxacillin sodium	BP 2013	Vardman Chemtech Limited	D-5,D-6&D-7 industrial Focal Point, Dera Bassi, Distt. Mohali, Punjab	India
Midantin 500/62,5	VD-14342-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Amoxicillin trihydrate	EP7 BP 2012	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa. Distt. Naw anshahr, Punjab	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Midantin 500/62,5	VD-14342-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Potassium clavulanate with microcrystalline cellulose	EP 7	Sinopharm Weiquida Pharmaceutical Co. Ltd.	Economic & Technological Development Zone, First Medical Zone, Datong, Shanxi	China
Midapezone 1,5g	VD-14343-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefoperazone sodium and Sulbactam sodium (2:1) Steri	CP 2015	Shandong Ruiying Pioneer Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 66, Taishan road, Mudan district, Heze, Shandong	China
Midapezone 1,5g	VD-14343-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefoperazone sodium and Sulbactam sodium (2:1) Sterile	CP 2015	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 98, Hainan Road, Shijiazhuang Economic&Techonologi cal Development Zone, Hebei	China
Midapezone 2g	VD-14344-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefoperazone sodium and Sulbactam sodium (1:1) Sterile	CP 2015	Shandong Ruiying Pioneer Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 66, Taishan road, Mudan district, Heze, Shandong	China
Midapezone 2g	VD-14344-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefoperazone sodium and Sulbactam sodium (1:1) Sterile	CP 2015	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 98, Hainan Road, Shijiazhuang Economic&Techonologi cal Development Zone, Hebei	China
Midoxime 1g	VD-14345-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefepim hydrochloride	NSX	Kopran Research laboratories limited	K4/4, Additional MIDC, At & Post Birwadi Taluka Mahad, District Raigad, Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Midoxime 1g	VD-14345-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefepim hydrochloride	USP 36	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic&Technologi cal Development Zone, Hebei	China
Oxacilin 1g	VD-14346-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Oxacillin sodium	USP 36	Shandong Bairui Pharmaceutical Co., Ltd.	Dingdong road, Dingtao, Heze, Shandong	China
Fudtamin 1500Mg	VD-14365-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Glucosamine sulfate sodium chloride	USP 30	Jiangsu Rixin Enterprise Group Co., Ltd	58 wu an road, gaoyou, jiangsu, China	China
Origluta 10 Ml	VD-14367-11	23/11/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Calcium glycerophosphate	ĐĐVN III	Sri Vyjayanthi Labs Pvt.Ltd	Plot No. 27/A JNPC Parawda (M), Visakhapatnam Dist. A.P, India	India
Origluta 10 Ml	VD-14367-11	23/11/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Magnesium gluconate	USP 30	Changzhou Comwin Fine Chemicals Co.,Ltd.	24th Floor, Jiaye International Commercial Plaza 99 Yanling West Road, Changzhou Jiangsu 213003 China	China
Orinadol 200Mg	VD-14368-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Naftidrofuryl oxalate	BP 2005	Procos S.P.A	Via Matteotti n.249 - 28062 Cameri - Novara - Italy	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Oritamol 500 Mg	VD-14369-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Methocarbamol	USP 30	Gennex Laboratories Limied	Akash Ganga' 3rd Floor, Plot No. 144,, Sri Nagar Colony, Hyderabad, Telangana 500073	China
Phudchymo	VD-14370-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Alpha - chymotrypsin (tương ứng 21 microkatal hay 4.200 đơn vị chymotrypsin USP)	USP 30	Beijing Geyuantianrun Bio-Tech Co., Ltd.	No. 3, Tianfu Road, Biomedical Industrial Base, Daxing District, Beijing	China
Phudskin	VD-14371-11	26/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Domperidone maleate	BP 2005	Vasudha Pharma Chem Limited	Plot No. 39 A & B, Phase I, I.D.A, Jeedimetla , Hyderabad - 500055 Telangana State	India
Skdol 650 Mg	VD-14372-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.-Tq	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China. Post Code 262100	China
Skdol Fort 325Mg	VD-14373-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China. Post Code 262100	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Skdol Fort 325Mg	VD-14373-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Chlorpheniramine maleate	BP 2007	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area M.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri – 415 722. Maharashtra	India
Stufort Cap	VD-14374-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Piracetam	BP 2007	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co.,Ltd	No58, Changxi Road, Jingdezhen City, China P.C:333000	China
Stufort Cap	VD-14374-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cinnarizine	BP 2007	Kamud Drugs Pvt. Ltd	N-6&8, M.I.D.C. Kupwad Block, Sangli, 416436, Maharashtra	India
Tyrozet Fort 850/5 Mg	VD-14377-11	12/11/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Metformin hydrochloride	USP 30	Alekhyia Drugs Pvt. Ltd.	Flat No 211, 3rd Floor, Bhanu Enclave, Erragadda, Hyderabad - 500018, Above Hero Honda Showroom, Sunder Nagar (Map)	India
Tyrozet Fort 850/5 Mg	VD-14377-11	12/11/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Glibenclamid	BP 2005	Prudence Pharma Chem	Plot No. 7407, Gide Estate, Ankleshwar-393 002. District. Bharuch, Gujarat	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fenofibrat SaVi 200M	VD-14388-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Fenofibrate	BP 2013	ZHEJIANG EXCEL PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
SaVi Esomeprazole	VD-14396-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Esomeprazole magnesium pellets	NSX	Titan Laboratories Pvt. Ltd	Plot No. E27/1, E27/2, MIDC, Village - Jite, Dist-Raigad, Maharashtra, India	India
SaVi Alendronate forte	VD-14398-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Alendronate sodium	BP 2014	JPN PHARMA PVT. LTD.	Plant: T108/109, MIDC, Tarapur, Boisar, Tal, Palghar, Dist. Palghar-405 501, Maharashtra, India	India
SaVi Gemfibrozil 600	VD-14401-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Gemfibrozil	USP 36	ZHEJIANG EXCEL PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
SaVi Lisinopril 10	VD-14408-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Lisinopril	USP 37	Hetero Drugs Limited	S.No.s, 213, 214& 255, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak. Dist, Telangana State, India	India
LoxicSaVi 15	VD-14414-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Meloxicam	EP 8.0	ZHEJIANG EXCEL PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dobacitil	VD-14424-11	28/6/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Natri citicoline	CP 2010	Kaiping Genuine Biochemical Pharm., Co., Ltd.	No.1, Xinke Road, Shatang Town, Kaiping, Guangdong Province	China
Dobacitil	VD-14424-11	28/6/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Natri citicoline	CP 2010	Suzhou Tianma Pharm.	No 199, East Huayuan Road, Mudu, Suzhou	China
Dobamedron	VD-14425-11	28/6/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Methylprednisolon	BP2013/USP34	Tianjin Tianyao Pharm. Co., Ltd.	No.19, XINYE 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area (TEDA), Tianjin	China
Dobamedron	VD-14425-11	28/6/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Methylprednisolon	BP2013/USP34	Zhejiang Xianju Pharm.	No.1 Junye Road, Xianju, Zhejiang	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Acapella-S	VD-14507-11	09/09/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Simethicone	USP 36	Eigenmann & Veronelli S.p.A.	Via della Mosa, 6 I- 20017 Rho (MI), Italy.	Italy
Acapella-S	VD-14507-11	09/09/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Simethicone	USP 36	Nensys Co., Ltd	595 Gwonseon-ro, Gwonseon-gu, Suwon, Gyeonggi,	Korea
Orokin 500mg	VD-14510-11	09/09/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Clarithromycin	USP 36	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No.6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industry Zone, Zhejiang,	China
Ciaflam	VD-14511-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Aceclofenac	EP 7.0→9.0	Aarti Drugs Limited	Plot No. w-60(B)w- 61(B)w-62(B)w- 71(B)w-72(B)w-73(B). MIDC, TARAPUR, DIST THANE 401 506 MAHARASHTRA, STATE	India
Acitonal - 5	VD-14512-11	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Risedronate Natri (Risedronate sodium)	NSX	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Pelplinska 19, 83 200 Starogard, Gdanski	Poland
Finabrat 300	VD-14516-11	28/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Fenofibrat	USP 35→39	Derivados Quimacos Fine Chemicals	Camino Viejo de Pliego, s/n Apartado 182 30820 Alcantarilla, Murcia	Spain

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glusamin Plus	VD-14517-11	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	glucosamin sulfat sodium chloride	USP 35→39	Andhra Medi Pharma India Pvt., Ltd.	Sy.No.263, Veeravalli Village, Bapulapadu mandal, krishna Dist., Andhra Pradesh-521 110	India
Glusamin Plus	VD-14517-11	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Chondroitin sulfate sodium (Shark origin)	EP 7.0→9.0	Yantai Dongcheng Biochemicals Co., Ltd.	No.7, Changbaishan Road Yantai DEV. Zone Shangdong	China
Pharmasmooth	VD-14518-11	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Calci carbonat (Calcium carbonate)	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Pyme Acolion	VD-14520-11	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Sulbutiamin	NSX	Luoyang Chemman Pharmchem Co., Ltd	Mengjin County, Louyang, Henan Province, 471125	China
Vitamin E thiên nhiên 400IU	VD-14522-11	25/07/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	D-alpha tocopheryl acetate (Vitamin E thiên nhiên)	BP 2007	Zhejiang Medicine Co., Ltd Xinchang Pharmaceutical Factory	Address: 59 East Huancheng Road, Xinchang County, Shaoxing, Zhejiang, Post Code: 312500	China
Diltiazem STADA 60 mg	VD-14553-11	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA- VIỆT NAM	Diltiazem hydrochloride	USP 39	Zach System S.p.A.	Via Dovaro Loc. Almisano, 36045 Lonigo – Vicenza.	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Diltiazem STADA 60 mg	VD-14553-11	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA- VIỆT NAM	Diltiazem hydrochloride	USP 37	Teva API India Limited	Nos, A-2, A-2/1, A-2/2, UPSIDC Industrial Area, Bijnor Road, Distt. J.P. Nagar, Gajraula -244 235 (Uttar Pradesh).	India
Glimepiride STADA 4 mg	VD-14554-11	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA- VIỆT NAM	Glimepiride	NSX	Hetero Drugs Limited	S.No.213, 214, 255, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh.	India
Stadeltime	VD-14560-11	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA- VIỆT NAM	Levocetirizine dihydrochloride	NSX	Glenmark Pharmaceutical Limited	Plot No. 3109, GIDC Industrial Estate, Ankleshwar – 393002, Dist. Bharuch, Gujarat State.	India
Frantamol Trẻ em 250	VD-14566-11	12/07/2017	CT LDDP Elogé France Việt nam	Paracetamol	USP 26	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Negradixid	VD-14568-11	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Nalidixic Acid	BP 2010	Elixir Pharma	16 4-A, Phase II, Opp. Lathiya Industries, GIDC, Naroda, Ahmedabad - 382330 ()	India
Paradau 325mg	VD-14569-11	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Paracetamol	BP 2005	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co.,Ltd	No.35, Weixu north road, Anqiu city, Shandong prvince, .	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Diclofenac STADA 100 mg	VD-14573-11	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA- VIỆT NAM	Diclofenac sodium	EP 8.0	Amoli Organics Private Limited	Plot No. 322/4, 40 Shed Area, G.I.D.C., Vapi – 396 195, Gujarat State.	India
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Sodium Chloride	EP 7, 8, 9	Dominion Salt Limited	89 Totara street, Mount Maunganui, New Zealand PO Box 4249, Mount Maunganui South 3149, New Zealand	New Zealand
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Sodium Chloride	EP 7, 8, 9	Akzo Nobel Salt A/S	Hadsundvej 17, 9550 Mariager	Denmark
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Sodium Chloride	EP 7, 8, 9	Esco – European Salt company GmbH & Co. KG	Uslarer Straße 30, 37194 Bodenfelde	Germany
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Potassium Chloride	EP 7, 8, 9	K+S KaLi GmbH	Plant Werra, Site Wintershall In der Aue, 36266 Heringen, Werra	Germany
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Calcium Chloride Dihydrate	EP 7, 8, 9	Macco Organiques, s.r.o.	Zahradní 46c, 792 01 Bruntál	Czech Republic
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Magnesium Chloride Hexahydrate	EP 7, 8, 9	Macco Organiques, s.r.o.	Zahradní 46c, 792 01 Bruntál	Czech Republic

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Glacial acetic acid	EP 7, 8, 9	Profagus GmbH	Uslarer Stra. 30, 37194 Bodenfelde,	Germany
Dung dịch thẩm phân máu HD-3A (Acid)	VD-14580-11	19/08/2018	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Glacial acetic acid	EP 7, 8, 9	Sản xuất tại: BP Chemicals Limited Hull, U.K. Đóng gói lại và kiểm nghiệm lại: CG Chemikalien GmbH & Co. KG	Địa chỉ nhà sản xuất: Saltend, Hull, HU 12 8DS, United Kingdom Địa chỉ nhà đóng gói lại, kiểm nghiệm: Ulmer Straße 1, 30880 Laatzen, Germany	Nước sản xuất: United Kingdom Nước đóng gói lại, kiểm nghiệm: Germany
Azithromycin	VD-14612-11	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	azithromycin	USP 38	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No. 6, Wei Wu Road, HangZhou Gulf ShangYu Industrial Zone, Zhejiang, P.R. china	China
Sedno	VD-14627-11	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Desloratadine	NSX	Glenmark Pharmaceuticals Ltd	Plot No. 141-143, 160- 165, 170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik vasahat maryadit, Pune Hyderabad Hihway, Mohol-413 213, Dist. Solapur, Maharastra	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Feriweek	VD-14629-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Dried Ferrous Sulphate	BP2013	Ferrochem industries - India	PLOT NO.- 426, NATIONAL HIGHWAY NO-8, DISTRICT KHEDA, DUMRAL, Nadiad - 387355, Gujarat, India	India
Feriweek	VD-14629-11	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Acid folic	BP2013	Hekai chemical and technology limited corporation	room 6011,technology venture center,number 27,shangbu street in xiaguan,nanjing.China	China
Cortipharm	VD-14637-11	13/09/2017	CTCPDP Imexpharm	Dexamethasone acetate	BP 2010	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co. Ltd.	No.1, Xianyao Road, Xianju, Zhejiang,	China
Fusdicream	VD- 14652-11	21/6/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Sodium Fusidate	EP 8.0	Ercros S.A	Paseo del Deleite, s/n, 28300 Aranjuez, Madrid	Spain
Goltakmin	VD-14653-11	21/6/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Paracetamol	USP35,USP36, USP37,USP38, USP39 / BP2014, BP2015, BP2016.	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000	China
Patest	VD-14659-11	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Mephesisin	NSX	Samanta Organics pvt. Ltd.	T-118, T-119, M.I.D.C, Tarapur, Boisar, Dist: Thane	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Acetab Extra	VD-14663-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Acetab Extra	VD-14663-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province, 053800 China	China
Acetab Extra	VD-14663-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Caffeine	USP 35	Basf	Highway 77 South Bishop, TX 78343 USA	Germany
AgiDecotyl 250	VD-14664-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Mephesisin	NSX	Synthokem Labs Private Limited	P.B.No. 1911, B-5 Industrial Estate, Sanathnagar Hyderabad - 500 018, India	India
AgiMidin	VD-14665-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Lamivudine	USP 34	Hangzhou Coben Pharmaceutical Co., Ltd.	Nanyang Economical Development Zone, Zhejiang, China (Mainland)	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiMidin	VD-14665-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Lamivudine	USP 35	Shijiazhuang Lonzeal Pharmaceuticals Co., Ltd.	No.16, West Ring Road, Shenze, Shijiazhuang, Hebei, China	China
AgiRenyl	VD-14666-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Retinyl acetate	EP 8.0	DSM Nutritional Products Asia Pacific	30 Pasir Panjang Road # 13-31 Singapore 117440	Netherlands
Ezinol	VD-14667-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Eprazon dihydrochloride	NSX	Zhejiang Warrant Pharmaceutical Co., Ltd.	Xingbin Road 4290, Binhai Industrial Zone, Shaoxing Zhejiang, China.	China
Ezinol	VD-14667-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Eprazon dihydrochloride	NSX	Hangzhou Neway Chemicals Co., Ltd.	Room 803, Qinglian Bldg, No 139 Qingchun Road, Hangzhou, Zhejiang China	China
Ezinol	VD-14667-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Eprazon dihydrochloride	NSX	Shanghai Licheng Chemical	No.908, Qingmu Road, Heqing Town, Pudong New Area, Shanghai, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Imidagi 5	VD-14668-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Imidapril hydrochloride	NSX	Yonsung Fine Chemicals Co. Ltd.	207, Sujcong-ro, Jangan-Myeon, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do, 445-944, Republic of Korea	Korea
Lipagim 200	VD-14669-11	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fenofibrate	EP 8.0	Olon S.P.A	Strada Rivoltana Km 6/7. 20090 Rodano (MI) Italy	Italy
Lipagim 200	VD-14669-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fenofibrat	EP 8.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Lopigim 300	VD-14670-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Gemfibrozil	USP 36	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Naturimine 50	VD-14671-11	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Dimenhydrinate	USP 37	S.S. Pharmachem	Plot No: K-44/45 M.I.D.C, Tarapur, Boisar Dist, Palghar - 401 506, Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Sintasone	VD-14672-11	06/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Betamethasone	USP 38	Tianjin Tianyao Pharmaceutical	No.19, Xinye 9th Street, West Area of Tianjin Economic - Technological Development Area (TEDA), Tianjin China	China
Sintasone	VD-14672-11	06/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35	Supriya Lifescience Ltd.	A 5/2, Lote Parshuram Industrial Are, M.I.D.C., Tal.-Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra	India
Sintasone	VD-14672-11	06/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35	Mahrsee Laboratories	Plot No.: 3014-15, GIDC Indi, Area, Phase-III, Panoli - 394 116	India
Vipocef® 100	VD-14704-11	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Cefpodoxim proxetil	USP 38	Nectar Lifesciences Ltd	S.C.O. 38,39, Sector 9- D, Chandigarh-160 003 (India)	India
Harine 40 Mg	VD-14719-11	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Alverin citrat	BP 2015	Shanghai Holdenchem Co., Ltd, China.	16C,Building A, Yueda Int'l Plaza,Changshou Road 1118, Putuo Distruct,Shanghai	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SaViOsmax	VD-14764-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Alendronate sodium	BP 2014	JPN PHARMA PVT. LTD.	Plant: T108/109, MIDC, Tarapur, Boisar, Tal, Palghar, Dist. Palghar-405 501, Maharashtra, India	India
SaViOsmax	VD-14764-11	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Cholecalciferol	NSX	BASF A/S	Malmparken 5, 2750 Ballerup	Denmark
Erilcar 5	VD-14815-11	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Enalapril maleate	USP 35→39	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co., Ltd.	Xunqiao, Linhai, Zhejiang: chuannan Duqiao Linhai, Zhejiang	China
Esoxium inj	VD-14816-11	09/12/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Esomeprazol sodium sterile	NSX	Rajasthan Antibiotics Limited.	A-619&630, Rilco Industrial Area, BHIWADI-301 019, Dist. Alwar (Rajasthan)	India
Faditac inj	VD-14817-11	09/12/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Famotidin	BP 2012-2015	SMS Pharmaceuticals Ltd.	Unit-I, Sy no.180/2, kazipalli (V), jinnaram (M), medak District, Telangana - 502 319	India
Tatanol Flu	VD-14818-11	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Acetaminophen	EP 7.0→9.0	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou County, Hengshui City, Hebei Province, 053000	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tatanol Flu	VD-14818-11	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Acetaminophen	USP 35→39	Mallinckrodt INC.	Raleigh Pharmaceutical Plant, 8801 Capital Boulevard Raleigh, North Carolina 27616	USA
Tatanol Flu	VD-14818-11	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Phenylephrine HCl	USP 35→39	Unichem Laboratories Ltd.	Plot No. 197, Sector - 1, Pithampur Dist. Dhar - 454775 Madhya Pradesh	India
Tatanol Flu	VD-14818-11	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Caffeine anhydrous fine powder	BP 2012-2015	Basf PharmaChemikali en GmbH & Co. KG	32419 Minden	Germany
OGANOFOLIN	VD-14820-11	31/5/2017	Công ty CP SHDP Ba Đình	Ethinylestradiol	BP 2005	Beijing Zizhu Pharmaceutical co ., LTD	NO.44, Hong Lian Nan Cun, Haidian District. Beijing,	China
Europulgite	VD-14848-11	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Attapulgate	BP 2010	Sainty Pharmaceutical and chemical Co.,Ltd	HuaFu Mansion, No 18 Shishan Rd, New Dist,	China
Europulgite	VD-14848-11	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Aluminium hydroxide	USP 36	Nitika pharmaceutical specialities Pvt.Ltd.,Nagpur	85, Kamptee Road, Wanjra Lay Out, Pili Nadi Industrial Area, Sidharth Nagar, Nagpur, Maharashtra 440026,	India
Alphachymotrypsin Éloge	VD-14855-11	12/07/2017	CT LDDP Elogé France Việt nam	Alphachymotrypsin	ĐĐVN IV	Beijing Geyuantianrun Bio-tech Co., Ltd	No.3 Tianfu Road,Daxing Bio- medicine Industry Park,Beijing,.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Magne-B6 Éloge	VD-14856-11	12/07/2017	CT LDDP Eloge France Việt nam	Magnesi lactat dihydrat	BP 2007	Jost Chemical Co.	8150 Lackland ST.Louis, MO 63114	USA
Magne-B6 Éloge	VD-14856-11	12/07/2017	CT LDDP Eloge France Việt nam	Pyridoxin HCl	BP 2007	Jiangxi Tianxin Pharmaceutcal Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300,	China
Vorifend Forte	VD-14860-11	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA- VIỆT NAM	Glucosamine sulfate potassium chloride	USP 36	Zhejiang Zhoushan Puton Xinxing Pharms Co., Ltd, China.	Miaolongcun North Station, Zhujiajian Town, Putuo District, Zhoushan City, Zhejiang Province.	China
Thuốc bôi da MAICA	VD-14879-11	06/06/2017	Cty TNHH Dược Phẩm VIỆT PHÚC	Acid Boric	USP 35	U.S. Borax Inc.	14486 Borax Road, Boron, California 93516, USA, (760) 762 7000.	USA
Thuốc gội đầu KÉLOG	VD-14880-11	06/06/2017	Cty TNHH Dược Phẩm VIỆT PHÚC	Ketoconazol	USP 35	Aarti Drugs Limited	Plot No. E-21/22, MIDC, Tarapur, Boisar- 401506, Dist-Thane, Maharashtra, INDIA.	India
Ampicilin VCP	VD-14895-11	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Ampicilin sodium)	BP2010	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., Ltd - China	No. 20 Yangzi Road Shijizhuang Economic &Technological Development Zone, Hebei, P.R.	China
Clamogentin 0,6g	VD-14896-11	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Amoxicilin sodium, Clavulanat potassium)	NSX	FERMIC, s.a. de c.v. - Mexico	Reforma #873 Col. San Nicolas Tolentino Del. Iztapalapa 09850. México D.F.	Mexico

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Clamogentin 1,2g	VD-14897-11	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Amoxicilin sodium, Clavulanat potassium)	NSX	North china phamaceutical group semisyntech	No. 20 Yangzi Road Shijizhuang Economic &Technological Development Zone, Hebei, P.R.	China
Bicapain	VD-14899-11	17/8/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Meloxicam	BP 2015	Technodrugs & Intermediates Pvt. Ltd	Off: 11-2/B, Ghanshyam industrial estate, Off Veera Desai Road, Andheri (W), mumbai-53.	India
Etova 200	VD-14901-11	22/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Etodolac	BP 2014	Cadila Pharmaceutical	291, G.I.D.C Estate, city Anklashwar - 393002, Dist: Bharach,	India
Etova 400	VD-14902-11	22/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Etodolac	BP 2014	Zhejiang Chiral Maedicine Chemical	No.288 South Shixin Rd, Xiaoshan, hangzhou, Zhejiang,	China
Dầu Xoa Sao Vàng	VD-14909-11	26/7/2017	CTCP Dược Danapha	Menthol	EP (7 đến 8.5) BP (2012 đến 2016)	Sharp Mint Limited	9 LSC Gujranwala Town, 1, Delhi 110 009, India	India
Dầu Xoa Sao Vàng	VD-14909-11	26/7/2017	CTCP Dược Danapha	Camphor	NSX	Fujian Green China	1 floor, jinshan riches Building, 2360 fangzhong road, huli District, Xiamen Fujian, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ống Hít Sao Vàng	VD-14910-11	7/26/2017	CTCP Dược Danapha	Menthol	EP (7 đến 8.5) BP (2012 đến 2016)	Sharp Mint Limited	9 LSC Gujranwala Town, 1, Delhi 110 009, India	India
Ống Hít Sao Vàng	VD-14910-11	26/7/2017	CTCP Dược Danapha	Camphor	NSX	Fujian Green China	1 floor, jinshan riches Building, 2360 fangzhong road, huli District, Xiamen Fujianm, China	China
Bosamin	VD-14929-11	30/08/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Glucosamine sulfate 2KCl	USP34	Zhejiang Freeman Shinfuda Co., Ltd	Shangma Indutrial Zone Wenling Zhejiang China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bosamin	VD-14929-11	30/08/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Curcumin powder	NSX	Arjuna Natural Extracts Ltd	PB No.126, Bank Road, Alwaye, Kerala 683101, India	India
Chlorpheniramine maleat 4 mg	VD-14959-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Chlorpheniramine maleate	BP 2013	Supriya Lifescience Ltd.	207/208 Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai-400 063. Maharashtra, □	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Chlorpheniramine maleat 4 mg	VD-14959-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Chlorpheniramine maleate	BP 2013	Supriya Lifescience Ltd.	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., Tal-Khed, Dist-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra,	India
Chlorpheniramine maleat 4 mg	VD-14960-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Chlorpheniramine maleate	BP 2013	Supriya Lifescience Ltd.	207/208 Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai-400 063. Maharashtra, □	India
Chlorpheniramine maleat 4 mg	VD-14960-11	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Chlorpheniramine maleate	BP 2013	Supriya Lifescience Ltd.	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., Tal-Khed, Dist-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra,	India
Vitamin B1 100 mg	VD-14965-11	01/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Thiamine mononitrate	BP 2015	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd	No.71, West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei,	China
Vitamin B1 100 mg	VD-14965-11	01/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Thiamine mononitrate	BP 2015	Tianjin Zhongjin Pharmaceutical Co. Ltd.	No. 17 Bridge, Waihuanxian, Jiefang South Rd., Hexi, Tianjin,	China
Fucepron 20Mg	VD-14970-11	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Fluoxetine hydrochloride	USP 30	Zhejiang Chemicals Import & Export Corporation	No.37 Qingchun road, Hangzhou-310009 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Skdol 325 Mg	VD-14971-11	26/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China. Post Code 262100	China
Skdol Baby Fort 150/1 Mg	VD-14972-11	26/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China. Post Code 262100	China
Skdol Baby Fort 150/1 Mg	VD-14972-11	26/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Chlorpheniramine maleate	BP 2005	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area M.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri – 415 722. Maharashtra	India
Skdol Baby Fort 250/2 Mg	VD-14973-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China. Post Code 262100	China
Skdol Baby Fort 250/2 Mg	VD-14973-11	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Chlorpheniramine maleate	BP 2005	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area M.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri – 415 722. Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Travicol codein	VD-15008-11	25/10/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Paracetamol	ĐĐVN IV	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	Xiao He Ya, North Part of City, Anqiu, Shandong - China	China
Cefepim 1g	VD-15012-11	26/07/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Cefepim HCl, L-arginin	USP32	Qilu antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd - China	849 Dongjia Town, Licheng District, Jian, Shadong,	China
Cefotiam 0,5g	VD-15013-11	26/07/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefotiam hydroclorid)	USP32	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd. - Korea	174, Sirok-Ro, Asan - Si, Chucheongnam-Do, 336-020,	Korea
Cefotiam 1g	VD-15014-11	26/07/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefotiam hydroclorid)	USP32	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd. - Korea	174, Sirok-Ro, Asan - Si, Chucheongnam-Do, 336-020,	Korea
Oxacilin 0,5g	VD-15015-11	26/07/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Oxacilin sodium)	USP32	Suzhou Erye Pharmaceutical Limited Company - China	Dongqiao Anmin Road, Huangdai Town, Xiangcheng District, Suzhou,	China
Viciaxon 0,25g	VD-15016-11	26/07/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Ceftriaxon sodium)	USP32	Qilu antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd - China	849 Dongjia Town, Licheng District, Jian, Shadong,	China
Vifortiam 1g	VD-15017-11	26/07/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefotiam hydroclorid)	USP32	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd. - Korea	174, Sirok-Ro, Asan - Si, Chucheongnam-Do, 336-020,	Korea

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Afovixtab	VD-15034-11	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Adefovir dipivoxil	NSX	Tianjin Institute of Pharmaceutical Research Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 & No.3 Ruida Street, Huanghuadian Town, Wuqing District, Tianjin No. 29 Huixin Road, Binhai Science Park, Binhai Hi-Tech Area, Tianjin	China
Afovixtab	VD-15034-11	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Adefovir dipivoxil	NSX	Beijing Lunarsun Pharmaceutical	C1-802, Yangguangguangchang No 68, Anli Road, Chaoyang District , 100101 , Beijing	China
Caavirel	VD-15035-11	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Entecavir	NSX	BrightGene Bio- Medical Technology Co., Ltd.	Building C25-C28, No.218 Xinghu Road, Suzhou Industrial Park, Suzhou (215123)	China
Pancelxim extra	VD-15037-11	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Paracetamol	ĐĐVN IV	Anqiu Lu'an Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 35. Weixu North Rond, Anqiu City, Shandong Province, 262100 .	China
Pancelxim extra	VD-15037-11	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Caffeine (as Caffeine anhydrous)	ĐĐVN IV	Aarti Industries Limited	Plot No. 801/23, Q.L.D.C. Estate, Phase III Vapi - 396 195. Dist Valsad, Gujarat	India
Kem bôi da AVI- O5	VD-15054-11	22/06/2017	Cty TNHH Dược Phẩm VIỆT PHÚC	Vitamin A palmitat	USP 37	BASF SE	BASF SE. Carl-Bosch- Str. 38. 67056 Ludwigshafe, Germany	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Biviantac	VD-15065-11	26/7/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Aluminium hydroxide	USP 38	Nikita Pharmaceutical Specialities Pvt, Ltd	85, Wanjra Layout, Pilli Nadi Industrial Area, Kamptee Road, nagpur -440026 Maharashtra,	India
Biviantac	VD-15065-11	26/7/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Magnesium hydroxide	USP 38	Nikita Pharmaceutical Specialities Pvt, Ltd	85, Wanjra Layout, Pilli Nadi Industrial Area, Kamptee Road, nagpur -440026 Maharashtra	Korea
Biviantac	VD-15065-11	7/26/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Simethicone	USP 38	Dasan Medichem Co., Ltd	10, Wasan-ri, Dogo- myeon, Asab-si, Chungcheongnam-do	Korea
Lifedovate	VD-15085- 11	17/10/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Clobetasone 17 Butyrate	EP 8	Symbiotica speciality Ingredients SDN. BHD.	No.518, Jalan Waja 4, Taman Industri Waja, 09000 Kulim Kedah Darul Aman	Malaysia
Ampha Bc Complex □	VD-15098-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Thiamine Mononitrate	BP2013 & USP36	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Ampha Bc Complex □	VD-15098-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Pyridoxine Hydrochloride	BP2015 & USP38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ampha Bc Complex □	VD-15098-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Riboflavin	Ph.Eur & USP & FCC	Dsm	Factory: DSM Nutritional Product GmbH, Address: Postlach 1145 D-79629 Grenzach Wyhlen.	Germany
Ampha Bc Complex □	VD-15098-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Nicotinamide	BP2015	Western Drugs Limited	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur-313003 (Raj), India	India
Ampha Bc Complex □	VD-15098-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Calcium D- Pantothenate	USP37	Yifan Xinfu Pharmaceutical Co., Ltd.	Linglong Economical Area Linan, Hangzhou, Zhejiang, 311301, P.R China	China
Ampha Bc Complex □	VD-15098-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Ascorbic acid coated	NSX	Hebei Welcome Pharmaceutical Co., Ltd	No.11 Zhaiying North Street, Shijiazhuang China Postcode (050031)	China
Ampha E-400	VD-15099-11	8/30/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	DL-Alpha- Tocopheryl acetate	USP35	Zhejiang Medicine Co., Ltd Xinchang Pharmaceutical Factory	98 East Xinchang Dadao Road, Xinchang, Zhejiang 312500 P.R China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Celecoxib Savi	VD-15167-11	19/08/2017	Công ty CPDP SaVi	Celecoxib	EP 7.0	Aarti Drugs Limited	Plot No. N198, M.I.d.C., Tarapur MIDC Area, Boisar Tal- Palghar, Dt-Thane, State Maharashtra, Pin- 401 506, India	India
SaVi Betahistine 16	VD-15172-11	19/08/2017	Công ty CPDP SaVi	Betahistine dihydrochloride	BP 2014	AMI LIFESCIENSE PVT. LTD	Block No. 82/B, ECP Road, At & PO: Karakhadi-391 450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat, India	India
SaVi Betahistine 8	VD-15173-11	19/08/2017	Công ty CPDP SaVi	Betahistine dihydrochloride	BP 2014	AMI LIFESCIENSE PVT. LTD	Block No. 82/B, ECP Road, At & PO: Karakhadi-391 450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat, India	India
SaVi Ivabradine 5	VD-15174-11	19/08/2017	Công ty CPDP SaVi	Ivabradine hydrochloride	NSX	ZHONGBAO CHEMICALS CO., LTD.	13F/E-8 Building, Westport New Territories, No.206 Zhenhua Rd, Hangzhou, 310030 China	China
SaVi Sertraline 50	VD-15176-11	19/08/2017	Công ty CPDP SaVi	Sertraline hydrochloride	EP 8.0	Aurobindo Pharma Ltd.	Survey No. 10&13, Gaddapotharam Village- 502 319 IDA- Kazipally, Jinnaram Mandal, Medak Dist, T.S. India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VOMETIDIN 60 (SaVi Fexofenadin 60)	VD-15178-11	19/08/2017	Công ty CPDP SaVi	Fexofenadine hydrochloride	USP 38	VASUDHA PHARMA CHEM LTD	Unit-II, Plot No.79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thaman (V), Paravada (M), Visakhapatnam Dist. Andhra Pradesh, India	India
Benzylpenicilin VCP	VD-15212-11	06/10/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Benzyl penicilin (Benzyl penicilin sodium)	BP2010	North China Pharmaceutical Co., Ltd. - China	No. 20 Yangzi Road Shijizhuang Economic &Technological Development Zone, Hebei, P.R.	China
Cefoxitin 1g	VD-15213-11	06/10/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefoxitin sodium)	USP32	China Union Chempharma (SuZhou) Co.,Ltd - China	No.9, Jiaotong E. Road, Lili Town, Wujiang, Jiangsu, .	China
Cefbacter	VD-15214-11	06/10/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefotiam hydroclorid)	USP32	YungJin Pharm Co.,Ltd - Korea	470-5, Musong-dong Whsung-si, Gyeonggi- do,	Korea
Vicefoxitin	VD-15215-11	06/10/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefoxitin sodium)	USP32	Shenzhen Salubris Pharmaceuticals Co., Ltd - China	No. 1 Fenghuanggang Huabao Industrial District, Xixang Baoan District, Shenzhen,	China
Vitafxim	VD-15216-11	06/10/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefotaxim sodium)	EP 7	Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd., General Pharm. Factory - China	No. 109 Xuefu Road Nangang Dist. Harbin; No.1Jumin Street, Xiangfang Dist. Harbin	China
Vinpocetin	VD-15241-11	26/7/2017	Công ty CP Traphaco	Vinpocetin	BP 2009	Linnea	Via Cantonale, 6595 Locarno, Thụy Sĩ	Switzerland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cenfena	VD-15252-11	27/07/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Paracetamol	BP 2013	Hebei jiheng (Group) Pharmaceutical Co. LTD.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 05300 P.R .	China
Topbrain	VD-15309-11	06/10/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pyridoxine hydrochloride	BP 2014	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical-	No.215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang,	China
AgiDolgen	VD-15362-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei 053000, China	China
AgiDolgen	VD-15362-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2013	Anqiu lu ' an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
AgiDolgen	VD-15362-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Caffeine	EP 8.0	BASF South East Asia - Germany = Siegfried Pharmachemi- kalien Minden	32419 Minden Germany	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiDolgen	VD-15362-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Phenylephrin hydrochloride	USP 38	Unichem Laboratories Ltd.	Plot No. 197, Sector No. 1, Pithampur - 454 775, District - Dhar, Madhya Pradesh	India
AgiParofen	VD-15363-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
AgiParofen	VD-15363-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province	China
AgiParofen	VD-15363-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Ibuprofen	BP 2015	Iol Chemical and Pharmaceuticals	85 Industrial Area 'A', Ludhiana. 141003 (Pb.), India	India
AgiParofen	VD-15363-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Ibuprofen	EP 8.0	Basf South East Asia Pte., Ltd.	Highway 77 South Bishop, TX 78343 USA	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gifuldin 250	VD-15365-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Griseofulvin	EP 8.0	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd.	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001 China	China
Gifuldin 250	VD-15365-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Griseofulvin	EP 8.0	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd. (Hegno)	84, Yidong street, Hongshan district, Chifeng, Inner mongolia 024001, China	China
Gifuldin 500	VD-15366-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Griseofulvin	EP 8.0	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd. (Hegno)	84, Yidong street, Hongshan district, Chifeng, Inner mongolia 024001, China	China
Gifuldin 500	VD-15366-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Griseofulvin	EP 8.0	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd.	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001 China	China
Imidagi 10	VD-15367-11	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Imidapril hydrochloride	NSX	Yonsung Fine Chemicals Co. Ltd.	207, Sujcong-ro, Jangan-Myeon, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do, 445-944, Republic of Korea	Korea

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Novazine	VD-15473-11	25/10/17	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Paracetamol	ĐĐVN IV	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	Xiao He Ya, North Part of City, Anqiu, Shandong - China	China
Auxacilin 1g	VD-15481-11	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Oxacilin sodium)	USP32	Suzhou Erye Pharmaceutical Limited Company - China	Dongqiao Anmin Road, Huangdai Town, Xiangcheng District, Suzhou,	China
Oxacilin 1g	VD-15482-11	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Oxacilin sodium)	USP32	Suzhou Erye Pharmaceutical Limited Company - China	Dongqiao Anmin Road, Huangdai Town, Xiangcheng District, Suzhou,	China
Sticolic 500mg	VD-15537-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Citicolin sodium	NSX	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd	1-1, Kyowa cho, Hofu- ahi, Yamaguchi	Japan
Talanta	VD-15539-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Dried Aluminum Hydroxide Gel Heavy Powder	USP 35→39	Tomita Pharmaceutical Co., Ltd.	85-1 Maruyama, Akinokami, Seto-cho, Naruto, Tokushima 771- 0360	Japan
Talanta	VD-15539-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Dried Aluminum Hydroxide Gel Heavy Powder	USP 35→39	BK Giulini GmbH	Giulinistr.2 67065 Ludwigshafen / rhein	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Talanta	VD-15539-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Magnesi hydroxyd (Magnesium Hydroxide Heavy Powder)	USP 35→39	Tomita Pharmaceutical Co., Ltd.	85-1 Maruyama, Akinokami, Seto-cho, Naruto, Tokushima 771- 0360	Japan
Talanta	VD-15539-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Magnesi hydroxyd (Magnesium Hydroxide Heavy Powder)	USP 35→39	BK Giulini GmbH	Giulinistr.2 67065 Ludwigshafen / rhein	Germany
Vitasmooth	VD-15540-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Calci (Calcium carbonat heavy)	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Vitasmooth	VD-15540-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Dry vitamin D3 100 CWS	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Kupacen	VD-15587-11	06/10/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Aceclofenac	BP2014	Korea Biochem Pharm Inc	204 Sandan-gil, Jeonui- myeon, Sejong-si,	Korea
Orokin 250	VD-15588-11	06/10/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Clarithromycin	USP 36	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No.6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industry Zone, Zhejiang,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Berberin 50 mg	VD-15590-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Berberine hydrochloride	JP 16	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd	No.29 Shexiliu Dong Road, Economic Technological Development District, Shenyang, P.R	China
Cetecobetavert	VD-15592-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Betamethasone	EP 8	Henan Lihua Pharmaceutical Co., Ltd.	Middle Of Huanghe Street, Anyang Hi-Tech Industry Development Zone, Henan, .	China
Cetecobetavert	VD-15592-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Chlorpheniramine maleate	BP 2011	Supriya lifescience Ltd	Plot No. A-5/2 Lote Parshurman Industrial Area, M.I.D.C Tal – Khed Dist – Ralnagiri; Pin: 415 722, Maharashua,	India
Cetecocenfast 120	VD-15595-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Fexofenadine HCl	USP 36	Sreekara Organics	Plot No. 159/A, S.V. Co-op. Ind. Estate, IDA Bollaman, Jinnaram Mdl., Medak Dist. -502 325, Telangana	India
Lisazin 10	VD-15676-11	13/10/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Atorvastatin calcium trihydrat	USP 36	Morenpen Laboratories Limited	Morenpen Vilage, Nalagarh Road, Near Baddi, Dist. Solan, (H.P.) 173 205, .	India
Stugon – pharimex	VD-15848-11	13/10/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cinarizin	ĐBVN IV	Ray chemicals pvt. ltd	No.41, KHB Industrial Area, Yelahanka , Bangalore-560064,	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Terpinzoat	VD-15852-11	13/10/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Natri benzoat	ĐĐVN III	Emerald - USD	Materials 240 W Emerling Ave Akron, OH,	USA
Serecu	VD-15929-11	13/10/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	D - Alpha Tocopherol acetate	USP 36	Zhejiang Medleme Co.Ltd Xinchang Pharmaceutical Factory	98 East Xinchang Dadao Road, Xinchang, Zhejiang, 312500 PR .	China
Serecu	VD-15929-11	13/10/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	g - Oryzanol	KPC IV	Oryza Oil & Fat Chemical Co., Ltd	No.1, Numata Kitagata- cho, Ichinomiya City, Aichi-Pref, 493-8001 Japam	Japan
Multivitamin	VD-16054-11	08/12/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Pyridoxin hydroclorid	ĐĐVN IV	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	No.215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang,	China
Multivitamin	VD-16054-11	08/12/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Nicotinamide	ĐĐVN IV	DSM Nutritional Products	30 Pasir Panjang Road, Mapletree Business City #13-31 Singapore 117440 -	Singapore
Multivitamin	VD-16054-11	08/12/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Acid ascorbic	ĐĐVN IV	Aland (jiangsu) nutraceutical co.,ltd.	61 Jiangshan Road, Jingjiang, 214500 , JIANGSU , Jiangsu	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Multivitamin	VD-16054-11	08/12/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Ergocalciferol	BP 2000	Synthesia	Semtín 103, 530 02 Pardubice,	Czech Republic
Acetylcystein 200mg (thuốc bột)	VD-14765-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	N - Acetyl - L - cysteine	USP 37	Wuhan Grand Hoyo Co., LTD	399, Luo Yu Road, Zhuo Dao Quan Wuhan, HB 430070 China	China
Acetylcystein 200mg (viên nang)	VD-13874-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	N - Acetyl - L - cysteine	USP 37	Wuhan Grand Hoyo Co., LTD	399, Luo Yu Road, Zhuo Dao Quan Wuhan, HB 430070 China	China
Bestcelor 250	VD-13876-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefaclor	USP 38	Lupin Limited	198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep- 462046, District: Raisen [M.P] India.	India
Bestcelor 500	VD-13878-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefaclor	USP 38	Lupin Limited	198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep- 462046, District: Raisen [M.P] India.	India
Bromhexin 8mg	VD-14417-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Bromhexine Hydrochloride, crystalline powder	BP 2014	Shanghai Shengxin Medicine Chemical Co.,LTD.	Room 701, Xiusen Building, 129 North Laiting Road, Jiuting Town, Songjiang Shanghai China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Busmin	VD-14418-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Hyoscine butyl bromide	BP 2014	Alchem International Limited	25/2, Main Mathura Road, Village Kaili, Ballabgarh, Faridabad - 121004, Haryana, India	India
Cefixim 50mg	VD-14419-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefixime trihydrate compact	USP 34	Parabolic Drugs Ltd.	S.C.O. 99 – 100, 3rd & 4th Floor, Sector 17 – B, Chandigarh - 160 017 (India). Village Sundhran, P.O.Mubarakpur, Derabassi (Pb.) India	India
Coduroxyl 500	VD-14985-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefadroxil monohydrate	BP 2012	DSM Sinochem Pharmaceuticals Spain S.A	Calle Ripolles, 2 Pollgono Industrial Urvasa, Sta Perpatua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain.	Spain
Dexamethason 0,5mg (hình môi, màu cam)	VD-14766-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Dexamethasone acetate	EP 6.0	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Magnes - B6	VD-14421-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6)	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Metformin 850mg	VD-14770-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Metformin Hydrochloride	BP 2015	Ahbilash Chemicals Pvt. Ltd	34/6A, Nayakkanpatty Village, Madurai North Taluk, Madurai - 625 301, India	India
Neusturon	VD-14422-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cinnarizine	BP 2009	Ray Chemicals Pvt.Ltd	41, K.H.B. Industrial Area, Yelahanka, Bangalore - 560106	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
No-panes	VD-13883-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Drotaverine Hydrochloride	NSX	Yashica Pharmaceuticals Pvt.Ltd	Off. No. 11-12, Shubham Apartment, Syndicate, Kalyan (W), Dist. Thane 421 301, Maharashtra State, India	India
Prednisolon 5mg (nén dài cam)	VD-13888-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Prednisolone acetat	USP 35	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Spasmapyline	VD-13889-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Alverine citrate	EP 7.0	Shanghai Holdenchem Co., Ltd	11G,Building B,Changshou Road1118, Yueda Int'l Plaza,Putuo District. Shanghai,PR China	China
Tiphaprim 480 (nang)	VD-14774-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Sulfamethoxazole BP	BP 2004	Virchow laboratories Limited	Plot No.4 to 10, S.V.Co-op, Industrial Estate, IDA.Jeedlmetla, Hyderabad - 500 055, India	India
Tiphaprim 480 (nang)	VD-14774-11	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Trimethoprim	BP 2002	Shouguang fukang Pharmaceutical Co., Ltd	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, 262700, Shandong Province, P.R. China	China
Vitamin B6 250mg	VD-13891-11	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6)	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Tyrosine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Aspartic acid	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-GLUTAMIC ACID	EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Serine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Methionine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Histidine	USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Proline	USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Threonine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Phenylalanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Isoleucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Valine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Alanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Arginine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Leucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	Glycine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hako Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Lysine Acetate	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hako Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Tryptophan	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 10	VD-15932-11	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Cysteine	JP 17	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
IYAFIN	VD-15640-11	9/11/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Glyceryl guaiacolat	USP 36	Delta Synthetic Co., Ltd	15, Min-sheng ST., Tucheng Dist., New Taipei city 23679- Taiwan	Taiwan
IYAFIN	VD-15640-11	9/11/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Dextromethorphan HBr. H ₂ O	USP 36	Wockhardt Limited	Plot No.138 GIDC Estate, Ankleshwar-393 002 Dist, Bharuch; Gujarat- India	India
IYAFIN	VD-15640-11	9/11/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Chlorpheniramin maleat	USP 36	Kongo Chemical Co., Ltd.	No.3 Himata, Toyama,930-0912- Japan	Japan
TIFFY	VD-15303-11	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Paracetamol	USP 36	Lianyungang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd	No.2 Huanan Road, Ganyu Economic Development Zone, lianyungang, Jiangsu, China	China
TIFFY	VD-15303-11	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Chlorpheniramin maleat	USP 36	Kongo Chemical Co., Ltd.	No.3 Himata, Toyama,930-0912- Japan	Japan
CISTEINE (100 MG)	VD-14098-11	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Carbocistein	BP 2013	Moehs Catalana, S.L.,	Cesar Martinell I Brunet, 12 A 08191 Rubi (Barcelona)	Spain

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TIFFY SYRUP	VD-14891-11	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Paracetamol	USP 36	Lianyungang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd	No.2 Huanan Road, Ganyu Economic Development Zone, lianyungang, Jiangsu, China	China
TIFFY SYRUP	VD-14891-11	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Phenylephrin HCl	BP 2013	Siegfried PharmaChemikali en Minden GmbH	32423 Minden, Germany	Germany
TIFFY SYRUP	VD-14891-11	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Chlorpheniramin maleat	USP 36	Kongo Chemical Co., Ltd.	No.3 Himata, Toyama, 930-0912- Japan	Japan
Clovucire	VD-14982-11	04/08/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Clotrimazol	USP 36	Jangsu Yunyang Group Pharmaceutical Co., Ltd	2nd Ring Rd, Danyang, Zhenijang, Jiangsu, China	China
Clovucire	VD-14982-11	04/08/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Neomycin sulfat	USP 37/38	Sichuan Long March Pharmaceutical Co., Ltd	448 Changqing Road,Leshan, Sichuan,61400,P.R. China	China
Resbaté	VD-14984-11	04/08/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Clopidogrel	USP 36/37/ 38	Aarti Drugs Limited	Plot NO 109-D, Mahendra Industrial Estate Ground Floor, Road No 29, Sion (East), Mumbai - 400 022, India	India
Macromax SK (tên cũ là Asiclacin)	VD-15166-11	04/08/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Azithromycin dihydrat	EP 8/ USP 38	HEC PHARM Co., Ltd	No.62, Binjiang road, Yidu city, Hubei province, P.R. China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
DECONTRACTY L 500 mg	VD-14610 -11	26/07/2017	Công ty TNHH Sanofi Aventis Vietnam Việt Nam	Mephenesine (Mephenesin)	NSX	Synthokem Labs Private Limited	Plot No. 222 to 224 & 235 to 237, Phase -II, IDA Pashamylaram - 502319, Medak District	India
ACETYLCYSTEI N BOSTON 100	VD-14257-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Acetylcysteine	USP 37, USP 38	Wuhan Grand Hoyo Co., Ltd.	No.1 Industrial Park, Gedian Economy Develop Zone, E'Zhou, Hubei, China	China
ACETYLCYSTEI N BOSTON 200	VD-13770-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Acetylcysteine	USP 37, USP 38	Wuhan Grand Hoyo Co., Ltd.	No.1 Industrial Park, Gedian Economy Develop Zone, E'Zhou, Hubei, China	China
BENORAMINTA B	VD-14258-11	18/07/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Betamethasone	EP 8.0	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1, Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
BENORAMINTA B	VD-14258-11	18/07/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Marhshee Laboratories Pvt. Ltd.	Plot No 3014, 3015, G.I.D.C., Panoli, District Bharuch, Sanjali, Gujarat 394116, India	India
BENORAMINTA B	VD-14258-11	18/07/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Nivedita Chemicals Pvt. Ltd.	A-14 MIDC, Andheri (East), Mumbai - 400063, Maharashtra, India	India
BENORAMINTA B	VD-14258-11	18/07/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Keshava Organics Pvt. Ltd.	321, Durian Estate, Goregaon - Mulund Link Road, Goregaon (East), Mumbai- 400063, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
BOSTAFED	VD-13771-11	21/06/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Tripolidine hydrochloride	USP 37, USP 38	Malladi Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Plot No. 7B & 7C, SIPCOT Industrial Complex, Ranipet, Vellore Dist., Tamil Nadu, India	India
BOSTAFED	VD-13771-11	21/06/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Tripolidine hydrochloride	USP 37, USP 38	Rank Organics Chemical Pvt., Ltd.	Plot No. N-85, Tarapur, MIDC, Thane Dist. - 401506, Maharashtra State, India	India
BOSTAFLAM	VD-13772-11	17/10/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Diclofenac potassium	BP 2014	Aarti Drugs Limited	Plot No. G-60, MIDC, Tarapur, Boisar, Tal. Palghar, Dist. Thane	India
BOSTON C1000	VD-13773-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Ascorbic acid	EP 7.0, EP 8.0	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd.	No.20, Jiangshan Road, Jingjiang City, Jingjian - 214500, China	China
BOSTON C1000	VD-13773-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Ascorbic acid	EP 7.0, EP 8.0	Shandong Luwei Pharmaceutical Co., Ltd.	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo, 255000, China	China
EFFER- PARALMAX 500MG	VD-14688-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 37, USP 38	Granules India Limited	2nd Floor, 3rd Block, My Home Hub, Madhapur, Hyderabad- 500081, India	India
IMOBOSTON	VD-13774-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Loperamide hydrochloride	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Vasudha Pharma Chem Ltd.	78 / A, Vengalrao Nagar, Hyderabad - 500038. Telangana State, INDIA	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
LAMIFFIX 100	VD-14689-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Lamivudin	USP 34, USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Coben Pharmaceutical Co., Ltd.	B-17/F of Haihua Plaza, No.658 North Jianguo Road, Hangzhou, Zhejiang, China-310004	China
MEPHEBOSTON 250	VD-13775-11	21/06/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Mephenesin	NSX	Synthokem Labs Private Limited	P.B.No.1911, B-5 Industrial Estate, Sanathnagar, Hyderabad-500018, Telangana, India	India
MEPHEBOSTON 500	VD-13776-11	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Mephenesin	NSX	Synthokem Labs Private Limited	P.B.No.1911, B-5 Industrial Estate, Sanathnagar, Hyderabad-500018, Telangana, India	India
NEXIPRAZ 40	VD-14621-11	17/10/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Esomeprazole enteric coated 22.5% w/w pellets	NSX	Spansules Formulations	Plot No. 454/A4, IDA, Bollaram, Hyderabad 502325	India
PARAMETBOST ON	VD-13778-11	18/07/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Anqui Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqui, Shandong, China	China
PARAMETBOST ON	VD-13778-11	18/07/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Methionine	EP 6, EP 7, EP 8	Jizhou City Huayang Chemical Co., Ltd.	No.645 FuYang East Road, Jizhou City, Hebei province, China	China
PHILCLONESTY L	VD-13779-11	04/08/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Clorphenesin carbamate	JP 16	Synthokem Labs Private Limited	P.B.No.1911, B-5 Industrial Estate, Sanathnagar, Hyderabad-500018, Telangana, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Metrospiral	VD-14176-11	17/10/17	Công ty cổ phần Dược Becamex	Spiramycin	BP 2014	Wuxi-fortune pharmaceutical Co., Ltd	No. 2 Rongyang 1 st Road, Xishan Economic Zone, Wuxi city, Jiangsu Province, China	China
Lincomycin 500mg	VD-14175-11	20/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Lincomycin	EP 8.0	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.2 Guangming Road, Zhumadian, Henan 463003, China	China
Captopril	VD-14648-11	30/05/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Captopril	USP 36	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co., Ltd	Xunqiao, Linhai, Zhejiang 317024, China	China
Alpha Chymotrypsine	VD-14647-11	10/11/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Alpha Chymotrypsine	USP 36	Beijing Geyuantianrun Bio – tech Co., Ltd	No. 3 Tianfu Road, Daxing Bio – medicine industrial park, Beijing, China - 102609	China
Ibuprofen 200	VD-14649-11	10/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Ibuprofen	BP 2014	Iol Chemicals and Pharmaceuticals Ltd	No. 85, Industrial Area A, Ludhiana - 141003, Punjab, India	India
Ibuprofen 400	VD-14907-11	10/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Ibuprofen	BP 2014	Iol Chemicals and Pharmaceuticals Ltd	No. 85, Industrial Area A, Ludhiana - 141003, Punjab, India	India
Piracetam 800	VD-14908-11	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Piracetam	EP 8.0	Northeast pharmaceutical group Co., Ltd	37 Zhonggong Bei Street, Tiexi District, Shengyang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bromhexin	VD-14906-11	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Bromhexine hydrochloride	EP 8.0	Orex Pharma Pvt. Ltd	Plot No. N-31, Additional MIDC, Anandnagar, Ambernath, Dist. Thane - 421506	India
Lamivudin	VD-15082-11	05/08/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Lamivudine	USP 36	Hangzhou coben pharmaceutical Co., Ltd	B-17/F of Haihua Plaza, No.658 North Jianguo Road , Hangzhou, Zhejiang, China	India
Clopheniramin	VD-15081-11	05/08/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Chlorpheniramine maleate	EP 7.0	Supriya lifescience Ltd.	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., Taluka Khed, Dist. Ratnagiri – 415 722, Maharastra, India.	India
Acid nalidixic	VD-15079-11	05/08/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Nalidixic acid	BP 2013	Unimark Remedies Ltd, Vapi	41/42, GIDC, 1 st Phase, Vapi - 396195, Dist. Valsad, Gujarat, India	India
Descallerg	VD-15684-11	08/11/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Desloratadine	EP 8.0	Cadila pharmaceutical Limited	294, G.I.D.C., Estate Ankleshwar – 393 002 Gujarat, India	India
Bilaxatif	VD-15683-11	08/11/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Bisacodyl	BP 2015	Apex Healthcare Limited	4710 G.I.D.C., Industrial Estate, Ankleshwar – 393 002 Gujarat, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
STAR Sore Throat	VD-14755-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Tyrothricin	USP 36/NF31	Xellia Pharmaceuticals Ltd	Szállás u. 3 1107 Budapest Hungary	Hungary
STAR Sore Throat	VD-14755-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Cetrimonium bromid	USP 31/NF26	Sigma-Aldrich Ireland Ltd	No.259023 Vale road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland	Ireland
STAR Sore Throat	VD-14755-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lidocain	EP 7	Moehs Ibrica, S.L	Polígono industrial Rubí Sur C /César Martinell I Brunet, 12A-08191 Rubi (Barcelona-Spain)	Spain
Lipidorox 10	VD-13840-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rosuvastatin Calci	NSX	Morepen Laboratories Limited	Morepen Village, Nalagarh Road, Near Baddi, Dist. Solan, (H.P.) 173 205 India	India
Lipidorox 10	VD-13840-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rosuvastatin Calci	NSX	Glenmark Pharmaceuticals Ltd	Plot No 141-143/160- 165/170-172, Chandramouli shakari Audyogik Vasahat, Maryadit,Pune- Hyderabad Highway, Mohol, Dist., Solapur, 413213, Maharashtra, India (Ấn Độ)	India
Rosnacin 1.5 MIU	VD-14355-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Spiramycin	EP 6	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd.	No.2 Rongyang 1St Road, Xishan Economic Zone, Wuxi City, Jiangsu Province	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rosnacin 1.5 MIU	VD-14355-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Spiramycin	EP 6	Henan Topfond Pharmaceutical Co.,Ltd	No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan, China.	China
Rosnacin 3 MIU	VD-14356-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Spiramycin	EP 6	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd.	No.2 Rongyang 1St Road, Xishan Economic Zone, Wuxi City, Jiangsu Province	China
Rosnacin 3 MIU	VD-14356-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Spiramycin	EP 6	Henan Topfond Pharmaceutical Co.,Ltd	No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan, China.	China
Myocur Forte	VD-13843-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Mephenesin	NSX	Aastrid International Pvt. Ltd	247-248, Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (E), Mumbai 400 063, India	India
Myocur Forte	VD-13843-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Mephenesin	NSX	Synthokem Labs Private Limited	Plot No.222 to 224 & 235 to 237, Phase – II, IDA Pashamylaram – 502319, Medak Dist, India.	India
Spamoin 200	VD-13849-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Trimebutin maleat	JP XVI	Sinochem Ningbo/ China	21 Jiangxia Road, Haishu, Ningbo, Zhejiang, China	China
Spamoin 200	VD-13849-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Trimebutin maleat	JP XVI	Zhejiang East- Asia Pharmaceutical Co., Ltd	Economic Development Zone of Sanmen County, zhejiang, China 317100	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dolcetin 80	VD-13835-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Dolcetin 80	VD-13835-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Mephespa	VD-13841-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Mephenesin	NSX	Aastrid International Pvt. Ltd	247-248, Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (E), Mumbai 400 063, India	India
Mephespa	VD-13841-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Mephenesin	NSX	Synthokem Labs Private Limited	Plot No. 222 to 224 & 235 to 237, Phase-II, IDA Pashamylaram – 502319, Medak Dist., India	India
Tydol 80	VD-14758-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Tydol 80	VD-14758-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Tydol 150	VD-14756-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Tydol 150	VD-14756-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tydol 250	VD-14757-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Microencapsulated acetaminophen	NSX	Dasan Medichem Co., Ltd	# 10, Wasan-ri, Dogo- myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea (Hàn Quốc).	Korea
Ferronic B9	VD-13838-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ferrous (II) sulfat	EP 6	Dr. Paul Lohmann GmbH KG.	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal/Germany	Germany
Ferronic B9	VD-13838-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ferrous (II) sulfat	EP 6	Merck	Frankfurter StraBe 250, 64293 Darmstadt, Germany	Germany
Ferronic B9	VD-13838-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid folic□	EP 6	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Ferronic B9	VD-13838-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid folic□	EP 6	Hangzhou Think Chemical Co. Ltd	Chengnan Industrial Zone, Meicheng, Jiande, Hangzhou, China	China
Tydol Codeine Forte	VD-14358-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	USP 36/NF31	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Tydol Codeine Forte	VD-14358-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	USP 36/NF31	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Fepro	VD-13837-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fepro	VD-13837-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Fepro	VD-13837-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ibuprofen	EP 6	Shandong Xinhua	East Chemical Zone of High & New Technology Development Zone, Zhangdian District, Zibo, Shandong, China	China
Fepro	VD-13837-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ibuprofen	EP 6	BASF South East Asia Ple Ltd	Highway 77 south, Bishop, TX 78343 USA.	USA
Tirizex levo	VD-14357-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Levocetirizin dihydroclorid	NSX	Symed Labs Limited	Unit – I, Survey No.353, Domadugu (Village), Jinnaram (Mandal), Medak (Dist)-502313. Telangana, India (Ấn Độ).	India
Metof	VD-14748-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Metoclopramid hydroclorid	EP 6	Ipca Laboratories Ltd	48, Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West) Mumbai 400 067, Maharashtra, India.	India
Midorhum sinus	VD-14749-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Midorhum sinus	VD-14749-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Midorhum sinus	VD-14749-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clorpheniramin maleat	EP 6	Mahrsee Labortories Pvt Ltd	Plot No 3014, 3015, G I D C Estate, Panoli, Ankleshwar	India
Midorhum sinus	VD-14749-11	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clorpheniramin maleat	EP 6	Supriya Lifescience Limited	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., Tal.-Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India.	India
Augbidil 1g	VD-14676-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Amoxicillin trihydrate	ĐĐVN IV BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 IP2014 - >IP2016	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt Ltd., - India	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt Naw anshahr, Punjab 144 533, India	India
Augbidil 1g	VD-14676-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Potassium clavulanate with avicel (1:1)	BP 2013 -> BP2016 EP 7.0 -> EP 8.0	CKD Bio Corporation - South Korea	292 Sinwon -ro, Danwon -gu, Ansan -si, Gyeonggi -do 425-100, Korea	Korea
Augbidil 1g	VD-14676-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Potassium clavulanate with avicel 1: 1	EP 7.0 -> EP 8.0	Lek Pharmaceuticals d.d. Penicillin Production Plant	Perzonall 47 2391 Prevalje, Slovenija	Slovenia

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Babyplex	VD-14677-11	31/05/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Chlopheniramine maleate	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area, MIDC, Taluka-Khed, Dist. Ratnagiri-415722, Maharashtra, India	India
Babyplex	VD-14677-11	31/05/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Paracetamol	ĐĐVN IV BP2013 - >BP2016 USP35 -> USP39	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou County, Hengsui city, Hebei Province, 053800 China	China
Babyplex	VD-14677-11	31/05/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Thiamine hydrochloride	BP2013 -> BP2016 USP37 -> USP39	DSM Nutritional Products GmbH	Postfat 1145, D-79629 Grenzach-Wyhlen- Germany	Germany
Bebisot 150	VD-14931-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Acetaminophen Paracetamol	USP37 -> USP39	Mallinckrodt Inc	8801 Capital Boulevard Raleigh Nc 27616 USA	USA
Bebisot 250	VD-14932-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Acetaminophen Paracetamol	USP37 -> USP39	Mallinckrodt Inc	8801 Capital Boulevard Raleigh Nc 27616 USA	USA
Berberin 50mg	VD-14678-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Berberin hydrochloride	ĐĐVN IV CP2010 -> CP2016 JP16	Northeast Pharmaceutial Group Co.,Ltd	No.37.Zhonggong Bei Street, Tiexi District, Shenyang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bidacin	VD-15379-11	15/09/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Diacerein	NSX	Rakshit Drugs Pvt. Ltd.	10/B,Kazipally,Gaddap otharam Village, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India	India
Bidacin	VD-15379-11	15/09/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Diacerein	NSX	Taizhou Highsun Pharmaceutical Co., Ltd	Zhejiang National Chemical& Pharmaceutical Raw Material base of Linhai Industrial Zone, China	China
Bidicozan	VD-15991-11	8/12/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Dibencozid (Cobamamid)	CP2010 -> CP2015 NSX	Interquim S.A.- Spain	Joan Buscalla 10 E- 08173 Sant Cugat del Valles Barcelona Espana, Tây Ban Nha.	Spain
Bidicozan	VD-15991-11	8/12/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Dibencozide	NSX	Interquim S.A de C.V	Guillermo Marconi No.16 Fracc Parque Industrial Cuamatla 54730 Cuautitlan Izcalli, Edo. De Mexico, Mexico	Mexico
Bidisamin 500	VD-15372-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	D-Glucosamin sulfat 2KCL	USP35 -> USP39	Sunrise Chemical -China	215600, Zhangjiagang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bifehema	VD-14680-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Copper Gluconate	USP38 -> USP39	Global Calcium Pvt. Ltd.	125 & 1 26, Sipcot Industrial Complex. Hosur - 635 126. TAMTLNADU - India	India
Bifehema	VD-14680-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Givobio Gcu (Copper Gluconate)	USP38 -> USP39	Givaudan- Lavirotte	56, rue Paul Cazeneuve 69008 Lyon – France	France
Bifehema	VD-14680-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Manganese gluconate	USP38 -> USP39	Global Calcium Pvt. Ltd.	125 & 1 26, Sipcot Industrial Complex. Hosur - 635 126. TAMTLNADU - India	India
Bifehema	VD-14680-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Manganese gluconate	USP38 -> USP39	Givaudan- Lavirotte	56, rue Paul Cazeneuve 69008 Lyon – France	France
Bifehema	VD-14680-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ferrous Gluconate	USP38 -> USP39	Global Calcium Pvt. Ltd.	125 & 1 26, Sipcot Industrial Complex. Hosur - 635 126. TAMTLNADU - India	India
Bifehema	VD-14680-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Givobio Fe 601 (Ferrous Gluconate)	USP38 -> USP39	Givaudan- Lavirotte	56, rue Paul Cazeneuve 69008 Lyon - France	France
Bikozol	VD-14935-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ketoconazole	USP35 -> USP37	Sharon Bio Medicine -India	312, C Wing, BSEL Tech.Park, Sector-30(A), Vashi, Navi Mumbai, India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bineurox	VD-14936-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Gabapentin	USP37 -> USP39	Divi's Laboratories - India	Unit -2, Chippada Village, Annavaram Post, Bheemunicipalnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh - 531 162, India	India
Celerzin	VD-14937-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cetirizine Dihydrochloride	BP2013 -> BP2016 EP8	Supriya Lifescience -India	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area, MIDC, Taluka-Khed, Dist. Ratnagiri-415722, Maharashtra, India	India
Clindamycin 150mg	VD-13764-11	4/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clindamycin HCl	USP35 -> USP39	Shuzhou No.4 Pharmaceutical Factory	171 Baiyangwan street, Suzhou, Jiangsu Province 215008, P.R of China	China
Clindamycin 150mg	VD-13764-11	4/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clindamycin HCL	USP35 -> USP39	Nangyang Pukang Pharmaceutical Co., Ltd	Industrial Park, Zhenping country, Nangyang city, Henan Province, China	China
Comenazol	VD-14685-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Pantoprazole sodium sesquihydrate	EP8	Medichem -Spain	Polfgon Industrial de Celrà 17460 CELRÀ (Glróna)	Spain
Comenazol	VD-14685-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Pantoprazole sodium sesquihydrate	EP8	Moehs Cantabra, S.L	Pollgono Industrial Requejada 39313 Polanco (Cantabria - Spain)	Spain

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hydrocortison	VD-15382-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Hydrocortisone sodium succinate sterile buffered*	NSX	Biofer S.p.a -Italy	Via Canina. 2- 41036 Medolla (MO) Italy.	Italy
Hydrocortison	VD-15382-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Hydrocortisone sodium succinate buffered sterile	NSX	Crystal Pharma	Parque Tecnologico de Boecillo - Parcela 105- 47151 Boecillo, Valladolid – Spain.	Spain
Kydheamo-1A	VD-14249-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium acetate cry PH	BP2013 -> BP2016	Niacet b.v, Netherlands	Papesteeg 91; 4006 WC Tiel, P.O.Box 60; 4000 AB Tiel; The Netherlands	Netherland
Kydheamo-1A	VD-14249-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Glacial Acetic Acid	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 EP7.0 -> EP8.0 TCNSX	Changchun Petrochemical Co., Ltd.	No.301, Songkiang Road, 7th Fl, Taipei 1047, Taiwan.	Taiwan
Kydheamo-1A	VD-14249-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Acetic Acid Glacial	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 EP7.0 -> EP8.0 TCNSX	Samsung BP Chemical Co.Ltd	2-2, Sangnam-ri, Chungyang-myun, Uuu- gun, Ulsan City, Korre.	Korea
Kydheamo-1A	VD-14249-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Calcium chloride dihydrate	BP2013 -> BP2016	Macco organiques - Czech Republic	Zahradni 46 c, CZ - 792 01 Bruntal, Czech Republic	Czech Republic
Kydheamo-1A	VD-14249-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Potassium chloride	BP2013 -> BP2016	Dead Sea Works Ltd	Potash House, P.O.Box 75, Beer-Sheva 84100, Isarel.	Israel

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Kydheamo-1A	VD-14249-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Magnesium chloride hexahydrate	BP2013 -> BP2016	Macco organiques - Czech Republic	Zahradni 46 c, CZ- 792 Bruntai, Czech	Czech Republic
Kydheamo-1A	VD-14249-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium clorid (Pure Dried Refined salt)	EP7.0 -> EP8.0 BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Thai Refined Salt Co. LTD	889 Thai CC Tower 26 th Floor South Sathom Road, Yannawa, Sathom, Bangkok, Thailand	Thailand
Kydheamo-1B	VD-14251-11	30/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium bicarbonate	EP8	CIECH Soda Deutsland GmbH & Co. KG - Germany	An der Löderburger Bahn 4a Stassfurt D- 39418, Germany	Germany
Kydheamo - 2B	VD-14683-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium bicarbonate	EP8	CIECH Soda Deutsland GmbH & Co. KG - Germany	An der Löderburger Bahn 4a Stassfurt D- 39418, Germany	Germany
Kydheamo - 2B	VD-14683-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium clorid (Pure Dried Refined salt)	EP7.0 -> EP8.0 BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Thai Refined Salt Co. LTD	889 Thai CC Tower 26 th Floor South Sathom Road, Yannawa, Sathom, Bangkok, Thailand	Thailand
Kydheamo - 3A	VD-15385-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Calcium chloride dihydrate	BP2013 -> BP2016	Macco Organiques, s. r.o.	Zahradni 46c, CZ-792 Bruntai, Czech.	Czech Republic
Kydheamo - 3A	VD-15385-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Glacial Acetic Acid	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 EP7.0 -> EP8.0 TCNSX	Changchun Petrochemical Co., Ltd.	No.301, Songkiang Road, 7th Fl, Taipei 1047, Taiwan.	Taiwan

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Kydheamo - 3A	VD-15385-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Acetic Acid Glacial	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 EP7.0 -> EP8.0 TCNSX	Samsung BP Chemical Co.Ltd	2-2, Sangnam-ri, Chungyang-myun, Uuu- gun, Ulsan City, Korre.	Korea
Kydheamo - 3A	VD-15385-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Potassium chloride	BP2013 -> BP2016	Dead Sea Works Ltd	Potash House, P.O.Box 75, Beer-Sheva 84100, Isarel.	Israel
Kydheamo - 3A	VD-15385-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Magnesium chloride hexahydrate	BP2013 -> BP2016	Macco Organiques, s. r.o.	Zahradni 46c, CZ-792 Bruntai, Czech.	Czech Republic
Kydheamo - 3A	VD-15385-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium clorid (Pure Dried Refined salt)	EP7.0 -> EP8.0 BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Thai Refined Salt Co. LTD	889 Thai CC Tower 26 th Floor South Sathom Road, Yannawa, Sathom, Bangkok, Thailand	Thailand
Meconer 500 mcg	VD-15993-11	8/12/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Mecobalamin (Methylcobalamin)	JP16	Hebei Yuxing Bio Engineering - China	Xicheng District, Ningjin County, Hebei Province, China.	China
Natri clorid 0,9%	VD-15386-11	15/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium clorid (Pure Dried Refined salt)	EP7.0 -> EP8.0 BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Thai Refined Salt Co. LTD	889Thai CC Tower 26 Floor, South Sathorn Yannawa Sathorn Bangkok 10120, Thailand	Thailand
Natri clorid 0,9%	VD-14253-11	12/10/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodum chloride	EP7.0 -> EP8.0 BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Dominion Salt Limited	89 Totara Street, Mount Maunganui 3116, New Zealand	New Zealand

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Nudipyl 400	VD-13766-11	4/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Piracetam	EP8	Jiangxi Yue Hua Pharmaceutical Co., Limited	No.58, Changxi Road, Jingdezhen City, Jiangxi, China.	China
Nudipyl 800	VD-14684-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Piracetam	EP8	Jiangxi Yue Hua Pharmaceutical Co., Limited	No.58, Changxi Road, Jingdezhen City, Jiangxi, China.	China
Spobavas 1,5 MIU	VD-14686-11	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Spiramycin	EP8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.1199 Jiaotong Road (West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province, China	China
Spobavas 3 MIU	VD-13767-11	4/9/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Spiramycin	EP8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.1199 Jiaotong Road (West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province, China	China
Terpin benzoat	VD-15726-11	13/10/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium benzoate powder	NSX	Emeral	1296 Third Street N.W/ Kalama, WA 98625	Estonia
Tozinax	VD-14945-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Zinc Gluconate	USP37 -> USP39	Jost Chemical - USA	8150 Lackland Rd, Overland, MO 63114, USA	USA
Tozinax syrup	VD-14946-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Zinc Sulfate 1- hydrat powder	EP7 -> EP8 USP37 -> USP39	American Pharmaceutical & Health	2240 Stoney Point Farms Rd, Cumming, GA 30041, USA	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Waisan	VD-14256-11	12/10/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Eperison HCl	NSX JP16	Kunshan Research Institute of pharmaceutical- medical Industry Co., Ltd	South Wuson jiang Bridge, Kunnan road, Zhangpu Distric, Kushan, Jiangsu, China.	China
EUCA-OPC VIÊN XÔNG	VD-15158-11	26/07/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	CAMPHOR	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Fujian Green Pine Co., Ltd	Huiyao Industrial Park,Jiayang City, Nanping, Fujian, China	China
EUCA-OPC VIÊN XÔNG	VD-15158-11	26/07/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	MENTHOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Tien Yuan Chemical (Pte) Ltd	No. 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827	Singapore
EUCA-OPC VIÊN XÔNG	VD-15158-11	26/07/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	EUCALYPTOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Jiangsu Dahua	B-082 New Century City Garden No. 71, Huaihai East RD., Huaian Jiangsu, China	China
EUCA-OPC VIÊN XÔNG	VD-15158-11	26/07/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	EUCALYPTOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Tien Yuan - Singapore	No. 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827	Singapore

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
NYST® THUỐC RỖ MIỆNG	VD-16027-11	12/12/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	NYSTATIN	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	VUAB Pharma a.s	Vltavská 53, 252 63 Roztoky, Czech Republic	Czech Republic
ALVERIN	VD - 15643 - 11	20/12/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Alverin Citrate	NSX	PROCOS S.P.A	Via Matteotti, 249 - 28062 Cameri (NO), Italy	Italy
ALVERIN	VD - 15643 - 11	20/12/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Alverin Citrate	EP6/ EP7/ EP8	Yancheng Chemhome Chemical Co., Ltd	No.91 kaifang Street Yancheng, Jiangsu	China
ALVERIN	VD - 15644 - 11	20/12/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Alverin Citrate	EP6/ EP7/ EP8	Yancheng Medical Chemical Factory	No.33 Haichun West Road, Yancheng, Jiangsu	China
VINPHATEX	VD - 15649 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Cimetidine	CP2010/ CP2015	Jiangsu Baosheng Longcheng Pharmaceutical Co., Ltd.	Guannan Duigou Chemical Industrial park in Jiangsu Province Lianyungang city	China
DICLOFENAC	VD - 15650 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Diclofenac sodium	BP2013/ BP2014/ BP2015	Henan Dongtai Pharmaceutical Co., Ltd	East Changhong Road, Tangyin County, Anyang City	China
FURUNAS	VD - 15652 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Flunarizine Hydrochloride	EP7/EP8	ZHENGZHOU RUIKANG PHARMACEUTI CAL CO.,LTD	NO. 84 RUIDA ROAD HIGH-NEW TECHNOLOGY DEVELOPMENT ZONE ZHENGZHOU	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
LINCOMYCIN	VD - 15656 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Lincomycine Hydrochloride	EP7/EP8	Henan Xinxiang Huaxing Pharmaceutical Factory	Liuzhuang New Village, Xinxiang, Henan	China
LUCIKVIN	VD - 15658 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Meclofenoxate hydroclorid	JP16/JP17/ USP38/ USP39	Shanghai Wonder Pharmaceutical Co.,Ltd	No.2068, Jinzhang Road, Ganxiang town, Jinshan District, Shanghai	China
NISITANOL	VD - 15661 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Nefopam HCl	CP2015	Anhui Wanhe pharmaceutical Co.,Ltd.	Yangcun Industry Park,Tianchang,Anhui	China
PREDNISOLON	VD - 15663 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Prednisolon	USP37/ USP38/ EP6/ EP7/ EP8/ BP2013/ BP2015	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No 1 Xianyao Road, Xianju, Taizhou, Zhejiang	China
VINPHACETAM	VD - 15667 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Piracetam	EP7/ EP8	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co., ltd	NO.58 ,CHANGXI ROAD JINGDEZHEN CITY, JIANGXI	China
VINPHACETAM	VD - 15667 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Piracetam	EP7/ EP8	Northeast Pharmaceutical Group Co Ltd	No.29 Shenxiliu Dong Road, Economic Technology Development District, Shenyang	China
VINPHAZIN	VD - 15670 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Spiramycin base	EP6/ EP7/ EP8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.1199, Jiaotong Road, Yicheng District, Zhumadian, Henan Province	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VINPHATON	VD - 15671 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Vinpocetine	EP6.0/ EP7.0/ EP8.0	Northeast Pharmaceutical Group Co Ltd	No.29 Shexiliu Dong Road, Economic Technology Development District, Shenyang	China
VINPHATON	VD - 15671 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Vinpocetine	EP6.0/ EP7.0/ EP8.0	Alchem international Limited	25/2 Main Mathura Road, Village Kaili, Ballabgarh, Faridabad- 121004, Haryana	India
VINPHATON	VD - 15671 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Vinpocetine	EP6.0/ EP7.0/ EP8.0	Jiangsu Swellxin Bio-Pharm. Pty. Ltd.	Building D. No.7. Guang Dong Road, Free Zone, Zhang Jia Gang, Jiangsu, China	China
VINZIX	VD - 15672 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Furosemid	BP2013/ BP2014/ BP2015	Ipca Laboratories Limited	48, Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai-400067	India
VINPHASTU	VD - 15669 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Cinnarizine	BP2013/ BP2014/ BP2015	Ray chemicals Pvt. Ltd	No 41, KHB Industrial Area, Yelahanka, Bangalore- 560 064	India
VINPHASTU	VD - 15669 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Cinnarizine	BP2013/ BP2014/ BP2015	Fleming Laboratories Limited	Ameerpet, Hyderabad – 500 016, Telengana, India	India
VITAMIN B1	VD - 15673 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Thiamin mononitrate	BP2014/ BP2015/ USP37/ USP38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VITAMIN B1	VD - 15673 - 11	20/10/2017	Công ty cổ phần được phẩm Vĩnh Phúc	Thiamin mononitrate	BP2014/ BP2015/ USP37/ USP38	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 71 West Chunyuan Road, Xiang Yang City, Hubei Province, China	China
VINROVIT	VD - 15859 -11	20/10/2017	Công ty cổ phần được phẩm Vĩnh Phúc	Thiamin mononitrat	USP37/ USP38/ EP6/ EP7/ EP8/ BP2013/ BP2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
VINROVIT	VD - 15859 -11	20/10/2017	Công ty cổ phần được phẩm Vĩnh Phúc	Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)	USP37/ USP38/ EP6/ EP7/ EP8/ BP2013/ BP2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
VINROVIT	VD - 15859 -11	20/10/2017	Công ty cổ phần được phẩm Vĩnh Phúc	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	USP36/ USP37/ USP38/ USP39	Ningxia Kingvit Pharmaceutical Co., Ltd.	WANGYUAN ECONOMIC ZONE, YONGNING COUNTY, YINCHUAN, NINGXIA	China
VINROVIT	VD - 15859 -11	20/10/2017	Công ty cổ phần được phẩm Vĩnh Phúc	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	USP36/ USP37/ USP38/ USP39	Hebei Yuxing Bio-engineering Co., Ltd.	Xicheng District, Ningjin County, Hebei Province	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Augbidil 625	VD-14675-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Amoxicillin trihydrate	ĐĐVN IV BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 IP2014 - >IP2016	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt Ltd., - India	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt Naw anshahr, Punjab 144 533	India
Augbidil 625	VD-14675-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Potassium clavulanate with avicel	EP 7.0 -> EP 8.0	CKD Bio Corporation - South Korea	292 Sinwon -ro, Danwon -gu, Ansan -si, Gyeonggi -do 425-100	Korea
Augbidil 625	VD-14675-11	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Potassium clavulanate with avicel 1: 1	NSX	Lek Pharmaceuticals d.d. Penicillin Production Plant	Perzonall 47 2391 Prevalje, Slovenija	Slovenija
Tozinax	VD-14945-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Zinc Gluconate	USP37 -> USP39	Jost Chemical - USA	8150 Lackland Rd, Overland, MO 63114	USA
Tozinax syrup	VD-14946-11	11/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Zinc Sulfate 1- hydrat powder	EP7 -> EP8 USP37 -> USP39	American Pharmaceutical & Health	2240 Stoney Point Farms Rd, Cumming, GA 30041	USA
Cefurovid 125	VD-13902-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2059	Nectar Lifesciences Ltd- India.	Add: Village Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)-	India
Cefurovid 125	VD-13902-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2059	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	Survey No.374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist- 502296, Telangana	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefurovid 125	VD-13902-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2059	Aurobindo Pharma Ltd-India	1/22, 2/1, to 5,6 to 18,61 to 69, Pydibhimavaram- 532409, Ranasthalam Mandal, Srikakulam Dist, A.P	India
Cefurovid 250	VD-13903-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2060	Nectar Lifesciences Ltd- India.	Add: Village Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)	India
Cefurovid 250	VD-13903-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2060	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	Survey No.374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist- 502296, Telangana	India
Cefurovid 250	VD-13903-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2060	Aurobindo Pharma Ltd-India	Works: 1/22, 2/1, to 5,6 to 18,61 to 69, Pydibhimavaram- 532409, Ranasthalam Mandal, Srikakulam Dist, A.P	India
Cefurovid 500	VD-13904-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Nectar Lifesciences Ltd- India.	Add: Village Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)- India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefurovid 500	VD-13904-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	Survey No.374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist- 502296, Telangana	India
Cefurovid 500	VD-13904-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Aurobindo Pharma Ltd-India	1/22, 2/1, to 5,6 to 18,61 to 69, Pydibhimavaram- 532409, Ranasthalam Mandal, Srikakulam Dist, A.P, India.	India
Cephalexin 500mg	VD-13905-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cephalexin monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co, Ltd-China	Add: 1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang- China.	China
Cephalexin 500mg	VD-13906-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cephalexin monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co, Ltd-C+H74a	Add: 1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang	China
Clorpheniramin 4mg	VD-13909-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Chlorpheniramine maleate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Supriva Lifescience -India	207/208 Udyog Bhavan, Sonawala Road Goregoan [E], Mumbai – 400 063	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Xitrina	VD-13911-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Sodium hydroxide citric acid	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Xilong Chemical Industry Incorporatel Co. Ltd-China Cofco Biochemical Co., Ltd -China.	No. 2 Xilong Middle Street, Chaoshan Road, Shantou, Guangdong, China NO.1 Zhongliang Road,Bengbu,Anhui	China
Doxycyclin 100mg	VD-14436-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Doxycycline hyclate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Yangzhou Liberty Pharmaceutical Co., Ltd	22, Yangli Road, Yangzhou, Jiangsu	China
Loravidi	VD-14437-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Loratadine	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Vasudha Pharma Chem Ltd., Co - India	Plot No.9, Jawaharlal Nehru Pharma City, Parawada, Visakhapatnam, Andhra Pradesh 531021, India	India
Natri camphosulfonat 200mg/2ml	VD-14439-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Sodium camphorsulfonate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Nanyang Pukang Pharmaceutical Co. Ltd	No.796, Gongye North Rd. Wolong District. Nanyang, 473053	China
Vifaren	VD-14443-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Diclofenac sodium	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Dongtai Pharm.Co., Ltd.	East Changhong Road, Tangyin, Henan	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Famotidin 40mg	VD-14780-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Famotidine	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Phalanx Labs Pvt Ltd-India	2nd Floor, Gayatri Heights, Plot No.9, Jaihind Enclave, Ayyappa Society, Madhapur, Hyderabad – 500 081. Telangana	India
Polydeson	VD-14783-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Neomycin sulfate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sichuan Long March Pharmaceutical Co.,Ltd-China.	448 Changqing Road, Leshan, Sichuan 614000	China
Polydeson	VD-14783-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Dexamethasone sodium phosphate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd □	Factory 1 Add: 1 Xianyao Road, Xianjin, Zhejiang-China. Factory 2 Add: 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medical And Chemical Industry Zone Linhai, Zhjiang -China.	China
Vifamox 250	VD-14786-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd-China.	Economy and Technological Development Zone, First Medical Zone, Datong, Shanxi, - China, 037010.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vifamox 250	VD-14786-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Ivyuan pharmaceutical Co., Ltd-China.	Add: Qiliying Town Industrial Park, Xinxiang County, Henan Province	China
Vifamox 500	VD-14787-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd-China.	Economy and Technological Development Zone, First Medical Zone, Datong, Shanxi, - China, 037010.	China
Vifamox 500	VD-14787-11	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Ivyuan pharmaceutical Co., Ltd-China.	Qiliying Town Industrial Park, Xinxiang County, Henan Province	China
Terpin benzoat	VD-15726-11	13/10/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Probenz (TM) SP Powder Sodium Benzoate	ĐDVN IV BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 NSX	Eastman Chemical Ltd	Uus Tehase 8, Kohtla- Järve, 30328 Ida- Virumaa	Estonia